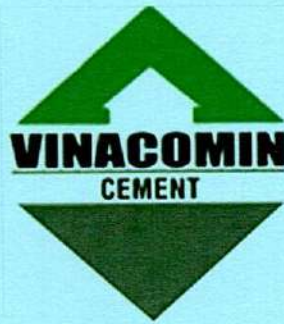


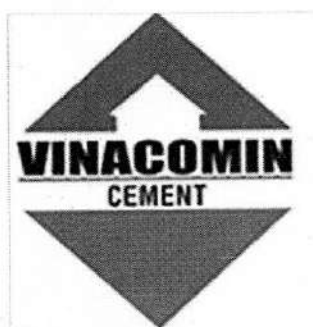
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2021

THÁI NGUYÊN - NGÀY 01/3/2022

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2021

THÁI NGUYÊN - NGÀY 01/3/2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

TÊN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1703000299 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/05/2007, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 14/06/2017 với Mã số doanh nghiệp 4600409377
- Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 250.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 02083.843.185
- Số Fax: 02083.843.185
- Website: <http://ximangquantrieu.com>
- Mã cổ phiếu: CQT

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI là một doanh nghiệp hạch toán độc lập và là Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV- CTCP, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 1703000299 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 31/05/2007, Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 6 ngày 16/06/2017 với Mã số doanh nghiệp 4600409377, với các cổ đông sáng lập là các Công ty có tiềm lực tài chính và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh, cụ thể gồm: Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP; Các cổ đông cá nhân có tiềm năng

Ngày 31/05/2007, Công ty chính thức hoạt động với mức vốn điều lệ ban đầu là 120 tỷ đồng. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện quá trình tăng vốn để mở rộng qui mô. Tính đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 250 tỷ đồng. Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP (nắm giữ 21.228.014 cổ phần chiếm tỷ lệ 84,91% tổng số vốn điều lệ của Công ty).

❖ Quá trình tăng vốn điều lệ:

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty cổ phần là 120.000.000.000 đồng.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện quá trình tăng vốn để mở rộng qui mô, cụ thể:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/02/2008 đã nhất trí thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty từ 120 tỷ đồng lên 160 tỷ đồng (phát hành thêm 4.000.000 cổ phần tương ứng với 40 tỷ đồng) cho cổ đông hiện hữu, thời gian thực hiện vào Quý IV năm 2008.

- Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 26/5/2008 đã nhất trí thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 160 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng (phát hành thêm 4.000.000 cổ phần tương ứng với 40 tỷ đồng), thời gian thực hiện từ Quý I năm 2009 cho đến cuối năm 2010 và ngày 22/12/2010 Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 3 với mức vốn điều lệ là 200 tỷ đồng.

- Căn cứ tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy và giá trị tổng dự toán công trình, ngày 16/4/2011 tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã nhất trí thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng, phát hành cho cổ đông hiện hữu, các cổ đông góp vốn theo tiến độ; ngày 14/06/2017 Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 6 với mức vốn điều lệ là 250 tỷ đồng.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

+ Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất xi măng, clinker và các sản phẩm vật liệu xây dựng khác;
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ khác.

+ Địa bàn kinh doanh:

- Hiện tại, địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính ở Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Trụ sở chính của Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty, các khối nghiệp vụ của Công ty gồm 6 phòng ban và 3 phân xưởng. Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI hiện nay không có các đơn vị hạch toán phụ thuộc cũng như các đơn vị thành viên.

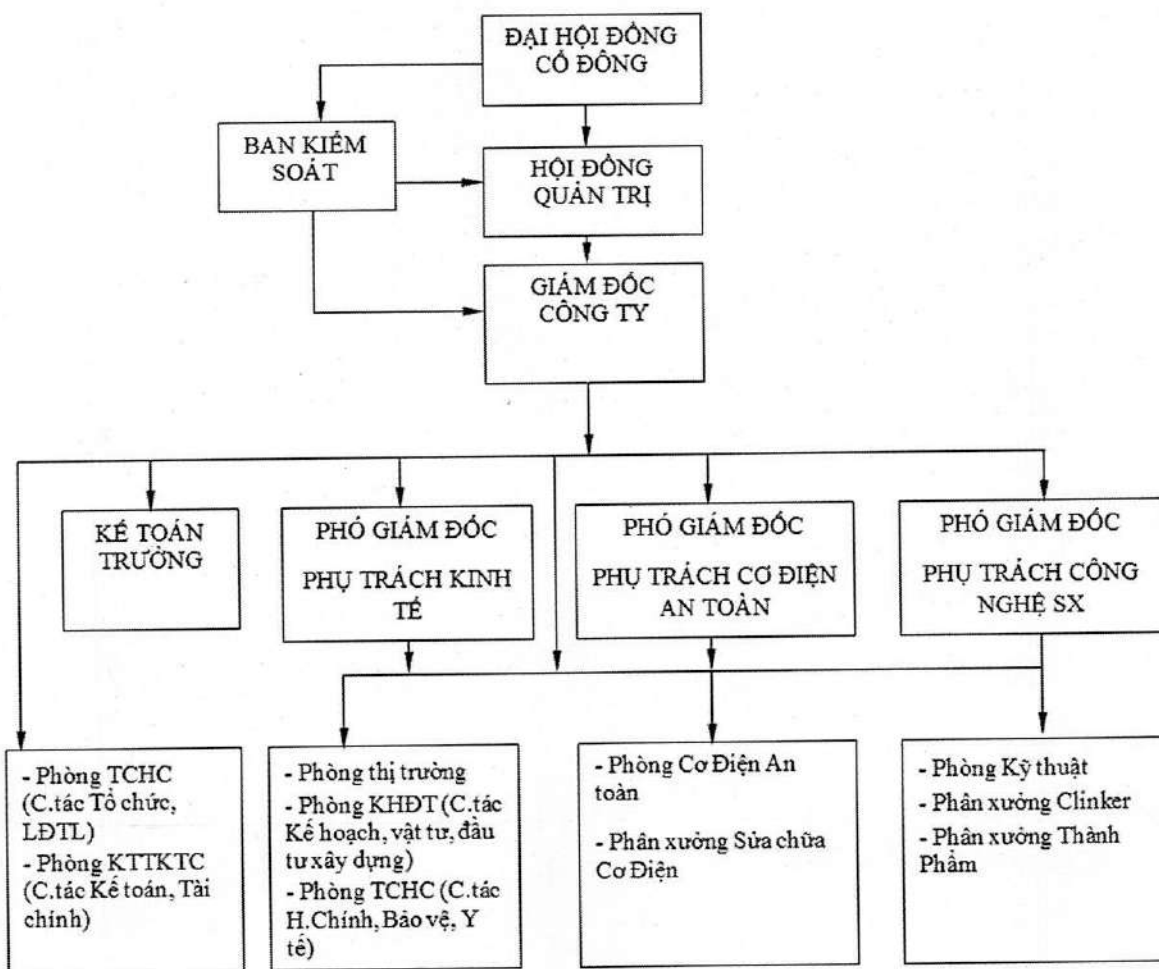
- Công ty bán hàng cho trên 100 cửa hàng tiêu thụ sản phẩm và các nhà phân phối, ngoài ra còn bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu ở khu vực phía Bắc, bao gồm các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang,... và các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (nay là số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020). Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

Sơ đồ tổ chức Công ty:



Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng. Nhìn chung bộ máy quản lý và điều hành Công ty đã thực hiện tương đối tốt nhiệm vụ điều hành quản lý hoạt động SXKD đã có sự phân công trách nhiệm rõ ràng của từng bộ phận trong dây chuyền sản xuất.

❖ Bộ máy lãnh đạo:

• Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất

mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

• **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

• **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng Cổ đông giám sát, đánh giá công tác điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc theo đúng quy định trong Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cung cấp mọi Hồ sơ và thông tin cần thiết liên quan đến công tác điều hành quản lý Công ty.

• **Ban Giám đốc**

Giám đốc là đại diện pháp luật của Công ty. Chịu trách nhiệm về tổ chức sản xuất điều hành kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, cơ quan chủ quản theo quy định, thực hiện nghĩa vụ với người lao động theo hợp đồng đã ký.

Các Phó Giám đốc Công ty là người giúp việc trực tiếp cho Giám đốc Công ty trong từng lĩnh vực đã phân công.

• **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng có nhiệm vụ phụ trách chung mọi hoạt động của phòng Kế toán thống kê tài chính; tham mưu cho Giám đốc các lĩnh vực tài chính, kế toán, thống kê chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về toàn bộ công tác và chế độ tài chính của Công ty.

❖ **Các phòng ban chức năng:**

Công ty bao gồm 6 phòng chuyên môn và 3 phân xưởng. Cụ thể: Phòng tổ chức hành chính (bao gồm: Công tác Tổ chức, LĐTL, Văn phòng, Y tế, Bảo vệ), Phòng kế toán thống kê tài chính (bao gồm: Công tác Kế toán, Tài chính, Bán

hàng), Phòng kế hoạch đầu tư (bao gồm: Công tác Kế hoạch, Vật tư, Đầu tư xây dựng), Phòng kinh doanh thị trường, Phòng Cơ Điện An toàn (bao gồm: Công tác Kỹ thuật cơ điện, An toàn BHLĐ), Phòng Kỹ thuật. Các phân xưởng gồm có: Phân xưởng Clinker, Phân xưởng Thành Phẩm, Phân xưởng Sửa chữa Cơ Điện.

4. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

5. Định hướng phát triển

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI có định hướng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh bằng việc đầu tư phát triển theo chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu của khách hàng. Cụ thể:

- Thực hành tiết kiệm triệt để trong sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, tiếp tục hoàn thiện Quy chế khoán nhằm giảm thiểu chí phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm. Triển khai thực hiện Quy chế khoán đến từng phân xưởng sản xuất và các bộ phận trong Công ty;

- Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý nguồn nguyên, nhiên liệu đầu vào đảm bảo chất lượng phục vụ sản xuất;

- Đặt khách hàng là trung tâm cho mọi hoạt động của Công ty, thường xuyên bám sát diễn biến thị trường để xây dựng và triển khai các chính sách bán hàng linh hoạt nhằm khai thác triệt để thời cơ kinh doanh;

- Thường xuyên rà soát việc bố trí sử dụng lao động tại các tổ, các bộ phận trong Công ty để bố trí hợp lý lao động trong dây chuyền sản xuất, phát huy tối đa công suất máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động;

- Rà soát, phân loại các khoản nợ phải thu để có kế hoạch và đưa ra những biện pháp thu hồi nợ hợp lý;

- Đặc biệt quan tâm đến công tác đầu tư phát triển nguồn nhân lực như ký kết hợp đồng đào tạo với các trường để tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên và nâng cao năng lực, trình độ quản lý cho Ban lãnh đạo Công ty;

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty: Không ngừng đổi mới và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, đảm bảo môi trường trong sạch đối với cộng đồng và xã hội. Công ty đã đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động kết nối với Sở tài nguyên môi trường; lắp đặt thiết bị lọc

bụi túi tại khu vực phát sinh nhiều bụi như máy đóng bao, nghiền xi... đảm bảo và giảm thiểu tối đa khói bụi ảnh hưởng đến môi trường.

Để thực hiện các mục tiêu nêu trên, Công ty xác định một mặt phải tiếp tục ổn định công tác tổ chức sản xuất, mặt khác phải đặc biệt quan tâm chú trọng đến công tác tiêu thụ, phát triển thị trường, để làm được điều đó Công ty dự kiến thực hiện các công việc sau:

5.1. Về công tác sản xuất

a. Về thiết bị:

Tuân thủ các quy định về vận hành, thường xuyên kiểm tra tình hình của máy móc, thiết bị, hệ thống dây chuyền sản xuất; rà soát tình trạng hoạt động của thiết bị để giảm thời gian dừng thiết bị do sự cố ngoài ý muốn.

Tăng cường công tác điều hành sản xuất, phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong khối và bộ phận tiêu thụ để đưa ra lịch chạy hoặc dừng thiết bị hợp lý nhất, đảm bảo cho thiết bị chạy liên tục, dài ngày, hạn chế số lần khởi động và dừng thiết bị.

Tăng cường công tác nghiên cứu cải tiến kỹ thuật; tiến hành khắc phục và sửa chữa các thiết bị như máy nghiền liệu, máy nghiền xi, máy nghiền than nhằm nâng cao năng suất thiết bị, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; tính toán tối ưu hóa thời gian bảo trì và thời gian chạy máy để đảm bảo thiết bị chạy ổn định nhất, chủ động dừng các thiết bị vào giờ cao điểm để giảm chi phí điện năng.

Tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất bằng cách tăng cường công tác bảo dưỡng sửa chữa để giảm thời gian ngừng sản xuất nâng cao hiệu suất thiết bị, nâng cao năng suất lò nung và công suất nghiền xi măng. Cung cấp nhanh chóng, kịp thời vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế để đảm bảo cho quá trình sản xuất của nhà máy được liên tục. Tăng tỷ lệ phối trộn than cám 4A Núi Hồng với than cám 7B Khánh Hòa để đảm bảo có đủ nguồn nhiên liệu phục vụ sản xuất đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế cao. Quản lý chặt chẽ hệ thống kho bãi chứa nguyên vật liệu một cách tiết kiệm, khoa học.

Xây dựng kế hoạch tổng hợp, chi tiết cho từng đơn vị. Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch đã đặt ra đối với từng đơn vị và có những biện pháp điều chỉnh cần thiết, kịp thời.

b. Về công nghệ sản xuất:

Triển khai tích cực các giải pháp công nghệ để nâng cao mức nền clinker và xi măng, tổ chức giám sát chặt chẽ hệ số phối liệu từ khâu lựa chọn nguyên liệu đến khâu vận hành thiết bị để giữ phối liệu ổn định.

Nghiên cứu cân đối tỷ lệ từng loại phụ gia, tiến hành thử nghiệm khả năng hoạt tính, khả năng cải thiện màu sắc để xác định tỷ lệ phụ gia tối ưu nhằm hạ giá thành sản xuất và tăng cường tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu hiện có để đáp ứng ổn định phối liệu và giảm tiêu hao các nguyên liệu điều chỉnh.

Nghiên cứu các biện pháp sản xuất clinker với chất lượng tốt, mức cao để có khả năng pha được nhiều phụ gia xi măng, tăng được khối lượng xi măng để giảm chi phí giá thành trên một tấn sản phẩm.

Công ty đã sử dụng các loại phụ gia mới như trợ nghiền, tro bay nhiệt điện, xỉ sau nghiền tuyển để tăng năng suất nghiền xi măng và tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Kiểm tra chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, tuân thủ quy trình công nghệ đảm bảo chất lượng hàng khi xuất bán.

Kiểm tra giám sát chặt chẽ chất lượng sản phẩm bằng cách kiểm tra sát sao chất lượng nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, tuân thủ quy trình kỹ thuật công nghệ, kiểm soát chất lượng sản phẩm xuất bán. Đặc biệt tăng cường kiểm soát chặt chất lượng đá vôi đầu vào, dự trữ vật tư, nguyên vật liệu hợp lý phục vụ kịp thời sản xuất, xây dựng bài toán phối liệu phù hợp với sự dao động của nguyên liệu đầu vào, kiểm tra thường xuyên, liên tục chất lượng xi măng, clinker xuất bán, tuyệt đối không đưa ra thị trường những sản phẩm kém chất lượng.

c. Về công tác An toàn lao động:

Đặc biệt chú trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ trong đơn vị, nâng cao ý thức tự giác của người lao động thực hiện tốt việc sử dụng đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động cá nhân theo đúng quy định, tuyên truyền, vận động người lao động tự bảo vệ mình, bảo vệ đồng nghiệp.

Kiên quyết không để xảy ra tai nạn lao động nặng, tai nạn lao động chết người và sự cố thiết bị loại I, loại II.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường kỷ luật lao động đối với các cá nhân vi phạm, động viên, khen thưởng kịp thời các cá nhân xuất sắc.

Xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các biện pháp an toàn trong thực hiện nhiệm vụ, tích cực cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, phòng chống độc hại tại các vị trí sản xuất.

Chấm điểm cuối năm 2021 Công ty đạt hoàn thành kế hoạch Tổng công ty giao.

d. Về thị trường tiêu thụ:

Thực hiện nghiêm túc cơ chế điều hành của Tổng Công ty Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP và Cơ chế điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021. Năm 2021 tổng sản lượng tiêu thụ toàn Công ty đạt 835.760 tấn/780.000 tấn KH đạt 107,15%. Công ty tiếp tục điều chỉnh công tác thị trường, tự chủ hơn trong việc điều hành, quản lý thị trường. Giám sát chặt chẽ hơn các nhân viên thị trường trong công tác chăm sóc khách hàng, giới thiệu quảng bá sản phẩm, đôn đốc và thu hồi công nợ của khách hàng.

Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống mạng lưới tiêu thụ, mở rộng thị trường ra các địa bàn có tiềm năng, xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với hệ thống đại lý và nhà phân phối để tăng sản lượng tiêu thụ. Có chế độ chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp để nâng cao chất lượng dịch vụ bán hàng và sau bán hàng. Tổ chức chăm sóc khách hàng truyền thống và phát triển thêm khách hàng mới.

Tiếp tục giữ vững thị trường đang có, chọn lọc khách hàng tiềm năng, giảm bớt việc bán hàng trả chậm, xây dựng thương hiệu thông qua quảng cáo, chăm sóc khách hàng và duy trì sự ổn định của chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh tiêu thụ ở khu vực giá cao như tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn, giữ vững thị trường Bắc Giang, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh. Tăng cường cán bộ kiểm tra kiểm soát thị trường, chăm sóc khách hàng, nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản lượng xi măng.

Thực hiện chiết khấu hợp lý đối với từng khách hàng, từng thời điểm trên các khu vực thị trường nhằm đảm bảo sự gắn bó lâu dài giữa Công ty và khách hàng và tăng sức tiêu thụ cũng như sức cạnh tranh của sản phẩm.

Cụ thể đối với các khu vực thị trường như sau:

❖ *Đối với thị trường tỉnh Thái Nguyên:*

- Công ty đã thực hiện ký hợp đồng đối với các khách hàng có năng lực tài chính tốt, đây là thị trường lõi Công ty luôn luôn đặt mục tiêu tiêu thụ nhiều sản phẩm nhất. Năm 2021 riêng thị trường Thái Nguyên đạt 168.816 tấn sản phẩm bằng 109,12 % kế hoạch đề ra.

- Tăng cường bám sát thị trường, quảng bá thương hiệu. Cuối năm thị trường Thái Nguyên đã không để phát sinh công nợ xấu.

- Công ty cũng đã ký hợp đồng với phòng tài chính các Huyện trên địa bàn Tỉnh, phối hợp chặt chẽ với Ban điều phối nông thôn và phòng Tài chính các Huyện và UBND các Xã trên địa bàn thực hiện tốt chương trình kiên cố hóa nông thôn, xây dựng đường nông thôn. Năm 2021 công ty đã thực hiện cung cấp được 25.720 tấn xi măng/Kế hoạch 10.000 tấn xi măng cho xây dựng đường nông thôn đạt 257,2 % KH.

❖ *Đối với thị trường tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng:*

- Công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng với các khách hàng có năng lực tài chính tốt, mở rộng thị trường ký hợp đồng với các nhà phân phối, các đại lý.

- Tăng cường bám sát thị trường, quảng bá thương hiệu.

- Tăng cường đưa sản phẩm xi măng Quán Triều vào các công trình xây dựng thông qua các Sở ban ngành tại địa bàn để tăng sản lượng tiêu thụ đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao. Năm 2021 thị trường Bắc Kạn và Cao Bằng cũng đã có sự tăng trưởng từ 4% đến 8% cụ thể thị trường Bắc Kạn năm 2021 đã tiêu thụ 35.387 tấn SP/ KH 32.600 tấn SP. Thị trường Cao Bằng năm 2021 đã tiêu thụ 68.505 tấn SP/KH 65.400 tấn SP.

❖ *Đối với các thị trường còn lại:* Tiếp tục giữ vững thị phần, theo dõi bám sát thị trường, kiểm tra kiểm soát thị trường chặt chẽ. Thị Trường Bắc Giang, Hà Nội, Bắc Ninh vẫn duy trì sản lượng khá dù bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh và

5.2 Về công tác Tài chính

- Tập trung giải quyết nguồn vốn, tiếp tục mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng, đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho quá trình sản xuất ổn định của nhà máy, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng vòng quay luân chuyển vốn lưu động, không để nợ tồn đọng và thất thoát vốn.

- Tăng cường vận động CBCNV và các cá nhân trong và ngoài Công ty thu hút tối đa nguồn vốn nhàn rỗi để đầu tư các dự án đầu tư và bù đắp thiếu nguồn cho công ty.

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, giữ vững các khách hàng có khả năng thanh toán tiền ngay, đúng hợp đồng. Tuyệt đối không để phát sinh nợ xấu, nợ dây dưa, công nợ khó đòi. Năm 2021 Công ty đã không để phát sinh công nợ khó đòi; đây thể hiện sự cố gắng của tập thể ban lãnh đạo Công ty và tập thể các phòng ban trong Công ty trong việc phối hợp và thu hồi công nợ.

- Xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán hợp lý nhằm thu tăng vòng quay luân chuyển vốn lưu động cũng như không để thất thoát vốn.

- Không để thất thoát tài sản, vật tư, tiền vốn, cố gắng tìm các biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ để có nguồn thanh toán công nợ kịp thời, giảm số dư nợ vay vốn lưu động. Thực hiện thanh toán nợ phải trả đối với khách hàng đúng thời hạn quy định, không để nợ quá hạn.

5.3. Về công tác tổ chức lao động

- Chuẩn bị đầy đủ nguồn nhân lực, để sẵn sàng triển khai các công việc, nhằm đáp ứng tốt những yêu cầu công việc đặt ra. Có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, đội ngũ công nhân kỹ thuật, nghiệp vụ. Năm 2021 Công ty đã đào tạo được 88 lượt CBCNV với tổng số tiền 144,8 Trđ. Nâng cao tư duy cán bộ công nhân viên về tính chủ động trong công việc, thực hiện tốt việc giao thiết bị đến từng cá nhân người lao động, người quản lý phân xưởng nhằm nâng cao trách nhiệm trong công việc với mục tiêu tăng thời gian hoạt động của thiết bị, tăng hiệu quả của thiết bị, giảm thiểu các sự cố hỏng hóc thiết bị do lỗi chủ quan của người lao động. Kiên quyết không sử dụng những người lao động lười biếng, có tay nghề kém, trình độ chuyên môn nghiệp vụ yếu và thiếu trách nhiệm trong công tác sau khi đã trải qua quá trình đào tạo, rèn luyện.

Tiếp tục sắp xếp lại lực lượng lao động, tiến hành đào tạo, bổ nhiệm cán bộ tại các vị trí chủ chốt nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác.

- Công tác tái cơ cấu lao động Công ty về cơ bản đã thực hiện xong theo đúng mô hình tổ chức mẫu của Tổng công ty. Tổng số CBVNV Công ty hiện tại là 349 người /KH 351 người, so với đầu năm, Công ty hiện tại là 6 phòng, 3 phân xưởng.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện ăn ở và làm việc cho người lao động để người lao động yên tâm công tác như: bố trí nơi ăn chốn ở, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất nơi làm việc, tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ thể thao trong toàn Công ty, xây dựng đời sống tinh thần cho CBCNV ngày càng được nâng cao. Tăng cường công tác an ninh giữ gìn trật tự trong địa bàn nhà máy, tăng cường sức mạnh đội ngũ bảo vệ của Công ty ngày một lớn mạnh, để đóng góp nhiều hơn nữa trong công tác giữ gìn an ninh trật tự.

6. Các rủi ro

6.1 Rủi ro về kinh tế

Hoạt động kinh doanh của Công ty đã, đang và sẽ chịu ảnh hưởng nhất định trước những biến động thay đổi theo chu kỳ của nền kinh tế. Kinh tế càng phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, sức mua gia tăng sẽ kéo theo nhu cầu đẩy mạnh dòng tiền đầu tư, từ đó tạo động lực phát triển cho toàn nền kinh tế. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư, vô hình chung sẽ tác động ngược lại đến sự lưu chuyển của dòng tiền và từ đó kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp.

- **Rủi ro tăng trưởng và lạm phát**

Việt Nam đã có chủ trương đúng về tập trung cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm tăng trưởng hợp lý. Tuy nhiên năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn và thách thức đối với kinh tế thế giới và Việt Nam nói riêng do đại dịch Covid-19, thiên tai tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội”, kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2021 đạt thấp nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước tăng trưởng cao trên thế giới. Quy mô nền kinh tế nước ta đã đạt đến gần 400 tỷ USD. Nhờ các chủ trương đúng đắn này và sự chỉ đạo kiên quyết của lãnh đạo cấp cao, lãnh đạo các ngành, địa phương, tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2021 đạt 2,58 %.

- **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua, lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm 2021 do tác động của dịch Covid 19, và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Chính Phủ nên lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại đều giảm và duy trì ổn định.

Lãi suất huy động cũng liên tục giảm do tín dụng tăng yếu, ngân hàng thừa vốn. Đến cuối năm, lãi suất huy động kỳ hạn ngắn dao động từ 5% - 7,5 %/năm, lãi suất kỳ hạn dài từ 9,0% - 10%/năm đang tạm thời giải quyết áp lực về chi phí sử dụng vốn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để tạo điều kiện các doanh nghiệp hoạt động ổn định, lãi suất cho vay cũng cần phải được ổn định lâu dài như hiện nay. Hiện tại Công ty đang vay lưu động của các ngân hàng thương mại với lãi suất giao động từ 6,5 - 7,0%/năm.

Việc đẩy mạnh sử dụng công cụ đòn bẩy tài chính có thể làm tăng quy mô hoạt động, nhưng Công ty cũng cần có các biện pháp nhất định để kiểm chế sự ảnh hưởng của sự biến động lãi suất.

• **Rủi ro về pháp luật**

Là một công ty cổ phần do vậy hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Thời gian qua, hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi cho doanh nghiệp, giúp cho Công ty có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể kể đến một số thay đổi đáng kể như sự ra đời của Luật Doanh Nghiệp 2014, Luật DN 2020. Đặc biệt sự ra đời của Nghị định 20/2017/NĐ –CP, nghị định 68/2020/NĐ-CP và nghị định 132/2020/NĐ-CP thay thế ND 20/2017, ND 68/2020 về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết... Những thay đổi này một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của Công ty, mặt khác cũng đặt ra các yêu cầu nhằm bảo đảm việc theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả.

• **Rủi ro đặc thù**

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI là công ty hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ sản phẩm xi măng. Bên cạnh đó, do Tổng

công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP vừa là cổ đông lớn (nắm giữ 84,91% vốn điều lệ), vừa là nhà cung cấp của Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng từ kết quả hoạt động của ngành than. Như vậy, Công ty phải chịu thêm những rủi ro đặc thù của ngành than như rủi ro biến động giá cả, rủi ro về sự thay đổi theo hướng bất lợi của thời tiết,...

• **Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán**

Khi được chấp thuận đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một phần cấu tạo nên và do đó chịu ảnh hưởng của sự biến động chung của thị trường chứng khoán Việt Nam, và rộng hơn là tình hình chung của thị trường chứng khoán thế giới.

Trong ngắn hạn, giá cả của cổ phiếu ít chịu ảnh hưởng của các biến số như tình trạng nền kinh tế hay doanh thu của công ty mà sẽ được quyết định bởi quy luật cung - cầu, tâm lý của nhà đầu tư và thậm chí cả những yếu tố phi kinh tế khác. Đây là những biến số ngẫu nhiên, thiếu tính ổn định và khó có thể dự đoán trước, qua đó, chúng làm gia tăng rủi ro biến động giá cho nhà đầu tư.

• **Rủi ro khác**

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động lãi suất, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Doanh thu thuần năm 2021 đạt: 660,55 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,68 % so với cùng kỳ năm trước, trong khi đó giá vốn hàng bán năm 2021 giảm 0,97 % so với năm 2020 chủ yếu tăng do sản phẩm tiêu thụ giảm nhẹ so với năm 2020. Năm 2021 chi phí tài chính của Công ty cũng đã giảm mạnh, từ 44,3 tỷ đồng năm 2020 xuống còn 31,94 tỷ đồng năm 2021 tương đương giảm 12,36 tỷ. Chi phí bán hàng năm 2021 đã giảm 4.8% so với năm 2020 và chi phí quản lý doanh nghiệp có tăng so với cùng kỳ năm trước là

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

do đưa ra một số chính sách tiền lương nhằm khuyến khích người lao động nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công việc. Đặc biệt, lợi nhuận sau thuế năm 2021 của Công ty đạt 44,72 tỷ đồng tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2021 có sự tăng mạnh là do trong năm 2021 cơ cấu sản phẩm bán của Công ty có sự thay đổi Công ty đã tiêu thụ xi măng PCB 30 nhiều hơn, hơn nữa việc duy trì sản xuất đã được ổn định, năng Suất sản xuất của thiết bị được tăng lên, giá bán của xi măng trong năm tăng bình quân hơn 30.000 đồng/tấn.

Về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 so với kế hoạch đã đặt ra:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6=5/4
1	Sản phẩm chủ yếu				
1.1	Sản lượng xi măng sản xuất	Tấn			
	+Xi măng bao PCB 30	"	184,000	206,563	112.26
	+Xi măng bao PCB 40	"	356,000	315,597	88.65
	+Xi măng bột PCB 30	"	184,000	205,140	111.49
	+Xi măng bột PCB 40	"	496,000	407,202	82.10
	+Clinker	"	621,927	679,578	109.27
1.1	Sản lượng xi măng tiêu thụ	Tấn	780,000	835,750	107.15
	+Xi măng bao PCB 30	"	184,000	206,563	112.26
	+Xi măng bao PCB 40	"	356,000	315,597	88.65
	+Xi măng bột PCB 30	"	0	573	
	+Xi măng bột PCB 40	"	140,000	94,367	67.41
	+Clinker	"	100,000	218,650	218.65
2	Doanh thu		617,378,636,364	660,637,565,030	107.01
2.1	Doanh thu từ các sản phẩm sản xuất	đồng	616,103,636,364	656,965,798,748	106.63
	+Xi măng bao PCB 30	"	155,685,454,545	179,581,941,666	115.35
	+Xi măng bao PCB 40	"	306,327,272,727	277,867,510,241	90.71
	+Xi măng bột PCB 30	"	0	385,671,548	
	+Xi măng bột PCB 40	"	95,454,545,455	66,996,266,742	70.19
	+Clinker	"	58,636,363,636	132,134,408,551	225.35
2.2	Doanh thu khác	đồng	1,275,000,000	3,664,466,190	287.41

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

2.3	Doanh thu tài chính	đồng	0	7,300,092	
3	Giá bán/giá thành	Đồng/tấn			
3.1	Giá bán bình quân	Đồng/tấn			
	+Xi măng bao PCB 30	"	846,117	869,383	102.75
	+Xi măng bao PCB 40	"	860,470	880,451	102.32
	+Xi măng bột PCB 30	"	672,839	672,839	
	+Xi măng bột PCB 40	"	681,818	709,953	104.13
	+Clinker	"	586,364	604,318	103.06
3.2	Giá thành tiêu thụ bình quân	Đồng/tấn			
	+Xi măng bao PCB 30	"	763,424		0.00
	+Xi măng bao PCB 40	"	822,340		0.00
	+Xi măng bột PCB 30	"	636,845		0.00
	+Xi măng bột PCB 40	"	696,085		0.00
	+Clinker	"	624,228		0.00
4	Tổng chi phí theo yếu tố	Đồng	585,303,636,364	610,276,900,688	104.27
	Nguyên vật liệu	"	184,584,520,987	194,396,193,773	105.32
	Nhiên liệu	"	100,042,146,401	107,116,728,854	107.07
	Động lực	"	121,039,473,035	127,957,776,204	105.72
	Tiền lương	"	37,807,654,260	43,271,416,888	114.45
	BHXH, Y tế, KP CD	"	4,989,141,180	4,670,258,648	93.61
	Khấu hao tài sản	"	76,382,073,731	76,311,493,701	99.91
	Chi khác, tiết kiệm chi phí	"	19,481,405,328	16,800,834,654	86.24
	Chi phí thuê ngoài	"	2,710,000,000	2,130,832,478	78.63
	Chênh lệch dờ dang ĐK-CK	"	0	6,145,685,003	
	Chi phí tài chính	"	38,267,221,441	31,944,097,837	83.48
	Phế liệu thu hồi	"		-468,417,351	
5	Chi phí khác		1,275,000,000	3,271,126,301	256.56
6	Lợi nhuận trước thuế	đồng	30,800,000,000	47,089,538,041	152.89
	- Sản xuất xi măng, clinker	"	30,800,000,000	46,696,198,152	151.61
	- Chi phí khác	"	0	393,339,889	
7	Tỷ lệ lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	%	12.32	18.68	151.61
8	Lao động thu nhập và tiền lương				
8.1	Lao động BQ danh sách	Người			
	Trong đó sản xuất xi măng	"	351	350	99.72
8.2	Đơn giá tiền lương	đ/1000đ DT			

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

	- Đơn giá tiền lương SXXM		61.37	65.87	107.33
	- Đơn giá tiền lương SX khác				
8.3	Tổng quỹ lương	tr.đồng	37,807,654,260	43,271,416,888	114.45
	- Lương sản xuất				
	- Quỹ lương người quản lý				
8.4	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	8,976,176	10,323,748	115.01

2. Tổ chức và nhân sự:

- Tóm tắt lý lịch cá nhân trong ban điều hành:

1.1 Giám đốc Công ty:

- + Họ và tên: **Trần Việt Cường**
- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 26/3/1974
- + Địa chỉ thường trú: Tổ 14- Phường Hoàng Văn Thụ- TP Thái Nguyên
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Trình độ văn hoá: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa; thạc sỹ kinh tế
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2021: Không

1.2 Phó Giám đốc

- + Họ và tên: **Văn Trọng Tuấn**
 - + Giới tính: Nam
 - + Ngày tháng năm sinh: 11/10/1976
 - + Quê quán: Yên Lãng - Đại Từ- Thái Nguyên
 - + Địa chỉ thường trú: Tổ 18 phường Quang Trung- TP Thái Nguyên.
 - + Quốc tịch: Việt Nam
 - + Dân tộc: Kinh
 - + Trình độ văn hoá: 12/12
 - + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tự động hóa cung cấp điện
 - + Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2021: Không
- Thời giữ chức vụ từ ngày 02/04/2021.

1.3 Phó Giám đốc

- + Họ và tên: **Nguyễn Sóng Gió**
- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 07/01/1968
- + Quê quán: xã Sơn Cẩm- Phú Lương - Thái Nguyên

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

- + Địa chỉ thường trú: xã Sơn Cẩm- TP Thái Nguyên - Thái Nguyên
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Trình độ văn hoá: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2021: 4.000 cổ phần

1.4 Phó Giám đốc

- + Họ và tên: **Đỗ Ngọc Huy**
- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 19/04/1979
- + Quê quán: Xã Xuân Hòa, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa
- + Địa chỉ thường trú: Tổ 17 Phường Tích Lương - Tp Thái Nguyên
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Trình độ văn hoá: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật liệu SILICAT
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2021: Không

1.5 Kế toán trưởng Công ty:

- + Họ và tên: **Nguyễn Anh Tuấn**
- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 10/3/1983
- + Địa chỉ thường trú: Tổ 5- Phường Quang Vinh - TP Thái Nguyên
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Trình độ văn hóa: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.
- + Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2021: Không

Cơ cấu lao động trong công ty thể hiện cụ thể như sau:

STT	Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Cơ cấu (%)	Ghi chú
I	Theo chức danh	Người	349		
1	Cán bộ quản lý	„	27	7.74	
2	Nhân viên hành chính, KT, NV	„	31	8.88	
3	Nhân viên phục vụ, phụ trợ	„	88	25.21	
4	Công nhân lao động	„	203	58.17	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

STT	Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Cơ cấu (%)	Ghi chú
II	Theo trình độ	„	349		
1	Trên đại học	„	2	0.57	
2	Đại học	„	112	32.09	
3	Cao đẳng	„	23	6.59	
4	Trung học	„	47	13.47	
5	Công nhân	„	165	47.28	

- Chính sách đối với người lao động:

+ Các cán bộ nhân viên của Công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho cán bộ nhân viên.

+ Có chính sách thu hút nhân tài, tuyển dụng công khai minh bạch, xây dựng chế độ lương thưởng thích đáng đối với đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân kỹ thuật có trình độ cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh, trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền lợi theo đúng năng lực cá nhân.

+ Công ty có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như: Hàng năm người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ Luật lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 1 năm 1 lần với khối văn phòng và 1 năm 2 lần với khối kỹ thuật và các phân xưởng. Trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt. Tổ chức các đợt nghỉ mát kết hợp điều dưỡng, phục hồi chức năng cho người lao động,... để tạo sự gắn kết giữa người lao động với Công ty. Cụ thể Công ty đã xây dựng cơ chế mua bảo hiểm nhân thọ cho các cán bộ công nhân viên là những người có trình độ tâm huyết với Công ty và hàng năm có sự bình xét để có thêm các cá nhân xuất sắc, khích lệ tinh thần trách nhiệm với công việc của các cán bộ nhân viên trong toàn Công ty.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án***a) Các khoản đầu tư lớn:*

Năm 2021 Công ty đã đầu tư mua sắm hoàn thành 02 dự án. Đầu tư 01 máy xúc đào thủy lực bánh xích có dung tích $\geq 0,8 \text{ m}^3$ hiệu VOVOL 200EC phục vụ sản xuất Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

Dự án đầu tư hệ thống lọc bụi khu vực đóng bao. Các dự án đầu tư theo đúng quy trình thủ tục đầu tư hướng dẫn của Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP và của Tập đoàn. Đến ngày 31/12/21, các dự án trên đã bàn giao đưa vào sử dụng.

*b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có***4. Tình hình tài chính***a) Tình hình tài chính*

- Các chỉ tiêu chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	703,760,548,291	780,159,389,939	-9.79
Doanh thu thuần	660,550,264,938	665,131,731,964	-0.69
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	47,016,000,041	36,979,318,368	27.14
Lợi nhuận khác	73,538,000	(306,625,044)	-
Lợi nhuận trước thuế	47,089,538,041	36,672,693,324	28.40
Lợi nhuận sau thuế	44,722,858,039	35,585,473,819	25.68
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			-

- Giá trị sổ sách của công ty thời điểm 31/12/2021:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
TÀI SẢN		
A. Tài sản ngắn hạn	66,539,493,410	69,112,370,950
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	7,468,868,010	6,334,668,634
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	40,313,573,944	33,367,152,346
3. Hàng tồn kho	17,354,806,648	27,924,290,480

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
4. Tài sản ngắn hạn khác	1,402,244,808	1,486,259,490
B. Tài sản dài hạn	637,221,054,881	711,047,018,989
Tổng cộng tài sản	703,760,548,291	780,159,389,939
NGUỒN VỐN		
A. Nợ phải trả	479,025,844,304	600,147,543,991
1. Nợ ngắn hạn	372,919,628,419	390,754,880,450
2. Nợ dài hạn	106,106,215,885	209,392,663,541
B. Vốn chủ sở hữu	224,734,703,987	180,011,845,948
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	250,000,000,000	250,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		
3. Quỹ đầu tư phát triển		
4. Quỹ dự phòng tài chính		
5. Lợi nhuận chưa phân phối	(25,265,296,013)	(69,988,154,052)
Tổng cộng nguồn vốn	703,760,548,291	780,159,389,939

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2020
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0.18	0.18
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.13	0.11
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	68.07	76.93
Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2.13	3.33
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	24.23	24.3
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0.89	0.81
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6.77	5.35
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	22.10	21.94
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	6.03	4.35
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	7.13	5.51

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 25.000.000 cổ phần
- Loại cổ: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 25.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có
- Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	625	24.999.000	99,9960
* Cá nhân	623	3.705.986	14,82
* Tổ chức	2	21.293.014	85,17
II. Cổ đông nước ngoài	1	1000	0,0040
* Cá nhân	1	1000	0,0040
* Tổ chức	0	0	0
III. Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng	626	25.000.000	

b) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

c) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

d) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty*6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu*

a. Nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Công ty đã tổ chức tốt việc lựa chọn nhà cung cấp nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật và vẫn đảm bảo đủ nguyên liệu

b. Tỷ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm: Không

6.2. Tiêu thụ năng lượng

c. Tổng số năng lượng tiêu thụ trực tiếp: 79.946.334 kw/năm 2021

d. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

e. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.3. Bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2021: 349 người
- Mức lương bình quân của người lao động năm 2021: 10.323.748 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ trong đơn vị, nâng cao ý thức tự giác của người lao động thực hiện tốt việc sử dụng đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động cá nhân theo đúng quy định, tuyên truyền, vận động người lao động tự bảo vệ mình, bảo vệ đồng đội.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số lớp đào tạo trung bình trong năm 2021 là 14 lớp với 88 lượt CBCNV
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao

động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Các hoạt động đối với cộng đồng: Luôn đảm bảo khi địa phương có yêu cầu đóng góp; hỗ trợ các hoạt động phúc lợi xã hội trên địa bàn luôn được công ty chú trọng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- *Tổng quan hoạt động kinh doanh năm 2021:*

Năm 2021, kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng ở mức thấp và chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố bất ổn, dịch bệnh Covid - 19 làm cho kinh tế thế giới giảm sút nghiêm trọng. Trong khi đó sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ thương mại, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc, những tác động tiêu cực từ dịch covid 19. Trong khi đó, các chính sách nới lỏng tiền tệ (lãi suất thấp hoặc âm, các gói nới lỏng định lượng và định tính...) tại hầu hết các nước không mấy hiệu quả đối với tăng trưởng và lạm phát. Giá dầu biến động mạnh Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đều cho thấy tăng trưởng của nền kinh tế thế giới trong năm 2021 đạt 5,9 %. Tăng trưởng thương

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

mại quốc tế cũng đạt thấp nhất trong vòng 3 năm trở lại đây.

Trước bối cảnh phục hồi kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, kinh tế Việt Nam đạt được một số thành quả đáng ghi nhận bên cạnh một số khó khăn, thách thức. Theo WB, mặc dù kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, nhưng nhờ có các biện pháp đối phó chủ động, sáng tạo ở các cấp, kinh tế vĩ mô và tài khóa ổn định nên kinh tế Việt Nam có sức chống chịu đáng kể. Kinh tế tiếp tục phục hồi trong tháng 10, trong đó lĩnh vực sản xuất công nghiệp đã đạt được tốc độ tăng trưởng gần bằng giai đoạn trước dịch COVID-19.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2021 tăng 2,58% so với năm 2020. Trong bối cảnh dịch COVID-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đây là một thành công lớn của Việt Nam trong việc phòng chống dịch bệnh, duy trì sản xuất kinh doanh. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) phục hồi khi nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục tin tưởng vào môi trường đầu tư của Việt Nam. CPI bình quân tăng 1,84% so với năm 2020, mức tăng bình quân năm thấp nhất kể từ năm 2016. Xuất nhập khẩu duy trì tốc độ tăng trưởng cao khi đạt 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2021 tăng 0,81% so với bình quân năm 2020.

Về phía Công ty, năm 2021, Công ty cũng gặp nhiều khó khăn về thị trường do nằm trong vùng mật độ có nhà máy xi măng nhiều nhất cả nước, cùng với đó là sự cạnh tranh gay gắt từ các đơn vị trong ngành. Tuy nhiên với sự nỗ lực của Ban điều hành, sự đoàn kết của tập thể người lao động, Công ty đã đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

Sản lượng sản xuất, tiêu thụ năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Sản xuất	Tiêu thụ	% so với KH
1	Xi măng Bao PCB 30	Tấn	184,000	206,572.85	206,572.85	112.27
2	Xi măng Bao PCB 40	Tấn	356,000	315,596.65	315,596.65	88.65
3	Xi măng Bột PCB 30	Tấn	0	205,140.28	573.20	-
4	Xi măng Bột PCB 40	Tấn	140,000	407,201.76	94,367	67.41
5	Clinker	Tấn	100,000	679,578.25	218,650	218.65
Tổng cộng			780,000.00		835,760.36	107.15

Đơn vị tính: đồng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
1	Doanh thu BH và CCDV	660,550,264,938	665.131.731.964
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về BH và CCDV	660,550,264,938	665.131.731.964
4	Giá vốn hàng bán	548,658,921,529	554.020.921.268
5	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	111,891,343,409	111.110.810.696
6	Doanh thu hoạt động tài chính	7,300,092	10.145.200
7	Chi phí tài chính	31,944,097,837	44.311.498.450
8	Chi phí bán hàng	9,682,067,372	10.173.519.243
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23,256,478,251	19.656.619.835
10	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	47,016,000,041	36.979.318.368
11	Thu nhập khác	80,000,000	10.190.819
12	Chi phí khác	6,462,000	316.815.863
13	Lợi nhuận khác	73,538,000	-306.625.044
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47,089,538,041	36.672.693.324

Doanh thu năm 2021 đạt 660,55 tỷ đồng giảm 06,9% so với năm 2020. Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 47,08 tỷ đồng bằng 152,8 % KH. Các nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2021 như sau:

a. Tổng doanh thu xi măng dự kiến quyết toán:	Tr.đồng	660,638
Trong đó: - Doanh thu sản xuất xi măng	"	656,966
- Doanh thu khác	"	3,664
- Doanh thu tài chính	"	7.3
b. Lợi nhuận dự kiến quyết toán:	"	47,090
c. Lợi nhuận theo quy chế năm 2021:	"	33,001
d. Lợi nhuận tăng (+)/giảm (-) so với kế hoạch:	"	14,088
Nguyên nhân tăng lợi nhuận	Tr.đồng	35,331
- Doanh thu, giá bán	"	17,692.8
- Chi phí sửa chữa thường xuyên	"	3,937.4
- Chi phí than	"	120.3
- Thuê ngoài	"	772.9
- CP tiền lương trích vào giá thành	"	3,749.8
- Chi phí tài chính	"	9,058.3
- Chi phí khác	"	0.0
Nguyên nhân giảm lợi nhuận	Tr.đồng	22,669

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

- Vật liệu (đá vôi, quặng sắt, thạch cao, phụ gia...)	"	5,182
- Dầu mỡ phụ	"	498
- Chi phí Phụ tùng thay thế	"	929
- Trung đại tu	"	2,796
- Dầu diezen, xăng	"	544
- CP động lực	"	3,768
- CP khấu hao TSCĐ	"	3,533
- Tiết kiệm CP theo kế hoạch (0,5%)	"	2,326
- Chi phí khác	"	3,093
Chênh lệch	Tr.đồng	12,663

- Những tiến bộ đã đạt được:

Đứng trước những thách thức và biến động của thị trường, Hội đồng quản trị và ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực tối đa để bám sát tình hình thị trường nhằm kịp thời đưa ra những quyết sách điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo gia tăng hiệu quả và giảm thiệt hại tối đa cho Công ty.

Trong công tác điều hành Công ty luôn củng cố, duy trì thường xuyên phân tích giá thành theo tháng để từ đó có các biện pháp giảm chi phí đầu vào và hạ giá thành sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty luôn duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Năm 2021, Ban điều hành Công ty tiếp tục phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết vượt qua khó khăn phấn đấu trong lao động sản xuất của đội ngũ người lao động đã tạo nên không khí thi đua, thúc đẩy công việc được giao và kết quả được thể hiện như sau:

+ Về thị trường:

- Thường xuyên bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh để đưa ra giải pháp thích hợp nhằm tăng sản lượng xi măng bán cho thị trường có giá bán cao;

- Phối hợp chặt chẽ với các nhà máy xi măng trong và ngoài hệ thống của VINACOMIN để kiểm soát chặt thị trường, giá bán theo đúng chỉ đạo, điều hành thị trường của Công ty mẹ nên đã hạn chế được tình trạng các sản phẩm xi măng của các công ty trong cùng hệ thống cạnh tranh nhau giá bán trên cùng một thị trường. Một số địa bàn như Thái Nguyên, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Cao Bằng là thị trường chủ đạo của

Công ty trong những năm qua luôn được Công ty duy trì ổn định về sản lượng và tăng giá bán đáng kể.

- Công ty đã tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, hàng tháng thực hiện đầy đủ việc đối chiếu công nợ và luôn đôn đốc thu hồi công nợ.

+ Công tác kỹ thuật công nghệ, cơ điện và điều hành sản xuất:

Công tác kỹ thuật đã có nhiều cố gắng trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu ra với chất lượng xi măng xuất kho luôn đạt 100% theo tiêu chuẩn Việt nam. Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao chất lượng clinker sản xuất, duy trì tỷ lệ phụ gia xỉ trong xi măng đạt kế hoạch giao; nên năm 2021 Công ty đã tiết giảm được chi phí giá thành so với năm 2020.

Công tác điều độ sản xuất được thực hiện nhịp nhàng, tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong sản xuất, duy trì hai dây chuyền sản xuất hoạt động liên tục ổn định. Khâu điều độ quy hoạch kho bãi nguyên vật liệu tận dụng điều kiện kho bãi linh hoạt nên đã bảo quản tốt nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí vận chuyển.

Công tác cơ điện đã quan tâm quản lý tốt hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành, quy trình an toàn cho thiết bị lập biện pháp và tổ chức sửa chữa khắc phục sự cố thiết bị dây chuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn. Tổ chức bảo dưỡng định kỳ thiết bị dây chuyền sản xuất theo kế hoạch để duy trì tình trạng kỹ thuật phòng ngừa sự cố để tăng thời gian huy động của thiết bị.

+ Công tác kế hoạch khoán, quản:

- Công tác kế hoạch đã bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để triển khai xây dựng và đề xuất lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tuần, tháng, quý tới từng đơn vị sản xuất sát với nhiệm vụ, năng lực thiết bị được giao, đồng thời tổ chức nghiệm thu, phân tích, kiểm điểm và đề xuất các biện pháp để tổ chức và chỉ đạo sản xuất kịp thời;

- Công tác vật tư đã quản lý, cung ứng vật tư năm 2021 đúng, đủ, kịp thời phục vụ cho sửa chữa, thay thế vật tư. Thủ tục mua bán vật tư thực hiện theo đúng quy chế quản lý vật tư của Công ty, Công ty mẹ và Vinacomin. Vật tư mua đảm bảo yêu cầu của sản xuất.

+ Công tác quản lý kế toán, tài chính:

Hoạt động kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty. Phục vụ kịp thời các yêu cầu về vốn của các bộ phận theo đúng chế độ quy định. Làm tốt công tác tham mưu cho Giám đốc trong hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện tốt các khoản thu, chi theo đúng chế độ, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

+ Công tác tổ chức nhân sự và Lao động tiền lương:

Công tác tiền lương đã tổ chức quản lý và phân phối tiền lương, tiền công cho người lao động an toàn, thỏa đáng, đúng nguyên tắc; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ không có vi phạm trong phân phối thu nhập đối với người lao động. Giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn cho người lao động trong Công ty đầy đủ, đúng pháp luật. Công tác khen thưởng, kỷ luật thực hiện tốt theo đúng các quy định của Công ty.

+ Các phân xưởng sản xuất:

Các phân xưởng nhìn chung đã chủ động trong công việc dựa trên kế hoạch được giao và các chỉ tiêu đã giao khoán, đã phát huy tính tự chủ, sáng tạo trong sản xuất, phối hợp nhịp nhàng thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ Khối phục vụ:

Đã giúp việc cho lãnh đạo Công ty chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho người lao động. Quan tâm cải tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp, chú trọng xây dựng khu tập thể xóm thợ cho người lao động trở thành khu văn hóa.

+ Công tác an toàn, bảo hộ lao động:

Công tác an toàn, bảo hộ lao động luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo sâu sát và thường xuyên. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát những công việc, những nơi có nhiều nguy cơ gây ra tai nạn lao động, đề xuất được nhiều biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Tình hình tài sản tại thời điểm 31/12/2021:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021 (VNĐ)
I	Tài sản ngắn hạn	66.539.493.410
II	Tài sản dài hạn	637.221.054.881
	Tổng cộng	703.760.548.291

Tình hình công nợ phải thu đến 31/12/2021:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021 (VNĐ)
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	47.720.349.822
2	Trả trước cho người bán	803.467.240
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.633.521.003
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-9.843.764.121
	Tổng cộng	40.313.573.944

Cơ cấu tài sản của Công ty trong năm qua đã dần dần phát huy được năng suất, hiệu quả của việc đầu tư, tuy nhiên do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên tài sản cố định vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn.

b) Tình hình nợ phải trả:

Dư nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2021:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021 (VNĐ)
I	Nợ ngắn hạn	372.728.768.738
II	Nợ dài hạn	106.297.075.566
	Tổng cộng	479.025.844.304

Công nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2021:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021 (VNĐ)
1	Phải trả người bán ngắn hạn	176.864.895.981
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11.555.439.415
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	19.915.585.390
4	Phải trả người lao động	12.787.007.554
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.077.280.845
6	Phải trả ngắn hạn khác	293.050.420
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	150.235.509.133
	Tổng cộng	372.728.768.738

Dư nợ phải trả của Công ty đang ở mức khá lớn, mặc dù đã có cải thiện tuy nhiên vẫn còn lớn và bằng 36,06 % tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2021. Trong đó, khoản phải trả người bán ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nợ phải trả (chủ yếu là khoản nợ nội bộ 3 đơn vị trong Tổng công ty). Bên cạnh đó, khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn cũng chiếm tỷ trọng tương đối 31,36 %. Công ty sử dụng các khoản vay này để tài trợ cho tài sản cố định là Nhà máy xi măng Quán Triều, và vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư khoản vay dài hạn đến thời điểm

31/12/2021 là 197,15 tỷ đồng.

Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu, các khoản nợ phải trả đều được kiểm soát và thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2021, Công ty đã áp dụng trả lương cho người lao động quản lý, phục vụ gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Triển khai thực hiện Quy chế quản lý lao động và tiền lương trong Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI đã ban hành theo quyết định số 07/QĐ - HĐQT ngày 22/03/2018 của Hội đồng Quản Trị. Tiếp tục rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì sản xuất ổn định, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp; tiết kiệm chi phí, nâng cao thời gian huy động, nâng suất thiết bị, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững;

- Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, bám sát những diễn biến của thị trường để điều chỉnh chính sách kịp thời, phù hợp, giữ vững thị trường truyền thống nhất là thị trường tiêu thụ trong tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận;

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng nhằm giảm chi phí kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường;

- Tạo điều kiện cho các cổ đông thực sự là người làm chủ doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn và chất lượng, tăng cường bộ phận khai thác thị trường, tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Ý kiến của Kiểm toán viên đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty là ý kiến chấp thuận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty luôn cố gắng tiết kiệm nguồn năng lượng sử dụng điện, nước một cách tối đa.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty luôn quan tâm đến

lợi ích của người lao động, người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ phúc lợi của Công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty chấp hành tốt các quy định của địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2021 Công ty đã có nhiều cố gắng và chỉ đạo tích cực việc thực hiện các nghị quyết từng Quý trong năm của HĐQT đề ra, có đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD từng tháng. Ban điều hành công ty đã chỉ đạo và thực hiện tốt những định hướng, chiến lược đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2021 Ban giám đốc công ty đã chuẩn bị tốt các nội dung báo cáo hàng quý, năm trình Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt. Tổ chức và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn trong việc lãnh đạo quản lý, điều hành theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

V. Quản trị Công ty

a. Thành viên hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị do đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm các thành viên:

1. Ông Ngô Ngọc Sơn - Chủ tịch HĐQT

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

- Sinh ngày 19/08/1961.

- Giới tính: Nam

- Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện mỏ

- Địa chỉ thường trú: Số 22 khu A tập thể nhạc viện Hà Nội - Đống Đa - Hà Nội.

- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2021: 7.500 Cp

Thôi giữ chức vụ chủ tịch HĐQT ngày 25/11/2021.

2. Ông Nguyễn Văn Dũng - Chủ tịch HĐQT (Giữ chức vụ từ ngày 25/12/2021)

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

- Sinh ngày 01/10/1966.

- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác
- Địa chỉ thường trú: Tổ 4, Phường Đồng Quang – TP Thái Nguyên - TN.
- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2021: 0 Cp

3. Ông Hà Văn Chuyên - Trưởng phòng vật tư thị trường - Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP - Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI

- Sinh ngày 18/09/1966
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hóa xí nghiệp
- Địa chỉ thường trú: Số 63B - Ngách 1 - Ngõ 88 - Phố Giáp Nhị - Quận Hoàng

Mai, Thành phố Hà Nội

- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2021: 0

4. Ông Đỗ Ngọc Huy- Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI.

- Sinh ngày 19/04/1979
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật liệu Silicat
- Địa chỉ thường trú: Tổ 17 Phường Tích Lương - Tp Thái Nguyên.
- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2021: 0

5. Ông Trần Việt Cường - Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/3/1974
- Địa chỉ thường trú: Tổ 14- Phường Hoàng Văn Thụ- TP Thái Nguyên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2021: 0

6. Bà Đỗ Thu Hương - Ủy viên HĐQT - Phó phòng kinh tế kế hoạch - Tổng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Công ty CN mỏ Việt Bắc TKV - CTCP. (Kê ngày 05/04/2018)

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 06/04/1972
- Địa chỉ thường trú: Số 11, ngách 15 ngõ Hoàng An, Phố Lê Duẩn, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số cổ phần nắm giữ ngày 31/12/2021: 1.400 cp

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Trong năm đã triển khai các cuộc họp như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	13/01/2021	<p><i>Nghị quyết HĐQT về việc:</i></p> <p>1. Thông qua văn bản số 2705/CMV-TCNS ngày 30/12/2020 về việc hướng dẫn kế hoạch sử dụng lao động – tiền lương năm 2021. Giao cho Giám đốc công ty chỉ đạo các phòng ban chuyên môn thực hiện theo đúng quy chế, quy định của Công ty.</p> <p>2. Đồng ý bổ nhiệm lại ông Nông Hoàng Linh giữ chức vụ Quản đốc phân xưởng sửa chữa cơ điện Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI, thời gian từ ngày 16/01/2021.</p> <p>3. Thông qua quỹ tiền lương Công ty năm 2020.</p> <p>4. Thông qua tờ trình số 1108/TTr-</p>	HĐQT 100% nhất trí thông qua

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<i>XMQT ngày 31/12/2020 về việc duyệt phương án định mức dư nợ tiền than năm 2021 cho Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.</i>	
2	02/NQ-HĐQT	29/01/2021	<i>Nghị quyết HĐQT về việc: 1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý IV/2020 và cả năm 2020 2. Đồng ý giải quyết chấm dứt hợp đồng lao động đối với Ông Nguyễn Mạnh Danh, giao cho Giám đốc Công ty giải quyết theo quy định. 3. Đồng ý giải quyết nghỉ hưu trước tuổi đối với Ông Nguyễn Mạnh Thắng, giao cho Giám đốc Công ty giải quyết theo quy định. 4. Chuẩn bị lập phương án, dự trù vật tư để tiến hành sửa chữa dây truyền, thiết bị trong chu kỳ sửa chữa tháng 2 năm 2021.</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua
3	03/NQ-HĐQT	24/2/2021	<i>Nghị quyết HĐQT về việc: Đồng ý lấy ngày 18/3/2021 là ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua
4	04/NQ-HĐQT	12/3/2021	<i>Nghị quyết HĐQT về việc: 1. Đồng ý quyết định thành lập các ban chuẩn bị Đại hội; 2. Đồng ý Dự kiến chương trình Đại hội và lấy ngày 14/4/2021 là ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p><i>năm 2021;</i></p> <p><i>3. Thông qua các nội dung trong Đại hội;</i></p> <p><i>4: Thông qua tờ trình số 249/TTr-XMQT ngày 09/3/2021 về việc phê duyệt Quy chế Quản lý cán bộ Công ty;</i></p> <p><i>5: Thông qua tờ trình số 210/TTr-KTTKC ngày 25/2/2021 về việc quy chế huy động vốn, sử dụng vốn, bảo lãnh và các sản phẩm dịch vụ tài chính Công ty;</i></p> <p><i>6: Thông qua tờ trình số 249/TTr-XMQT ngày 10/3/2021 về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư xây dựng Công ty;</i></p> <p><i>7: Đồng ý với công văn số 175/CV-XMQT ngày 19/2/2021 về việc điều chỉnh đơn giá kế hoạch năm 2021 Công ty;</i></p> <p><i>8: Giao cho Giám đốc Công ty làm thủ tục chấm dứt HĐLĐ đối với ông Trần Xuân Quang theo quy chế, quy định của Công ty. Trước khi chấm dứt làm văn bản báo cáo Tổng công ty xem xét phê duyệt.</i></p>	
5	05/NQ-HĐQT	23/3/2021	<p>Nghị quyết HĐQT về việc:</p> <p><i>1. Phê duyệt danh sách cổ đông triệu tập tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo tờ trình số 277/TTr-XMQT ngày 22/3/2021. Giao cho Giám đốc Công ty hoàn thiện các thủ tục và phát hành thông báo triệu</i></p>	HĐQT 100% nhất trí thông qua

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>tập cổ đông tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội đúng thành phần và thời gian quy định;</p> <p>2. Thông qua các nội dung trong báo cáo trình đại hội đồng Cổ đông năm 2021</p> <p>3. Thống nhất ban hành các Quy chế đại hội;</p> <p>4. Thông qua tờ trình đề nghị Đại hội phê duyệt Báo cáo quyết toán tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán;</p> <p>5. Thông qua Tờ trình quyết toán chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021;</p> <p>6. Thông qua Tờ trình của ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021.</p> <p>7. Thông qua tờ trình trình Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP bảo lãnh cho Công ty vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2021;</p> <p>8. Thông qua Tờ trình đề nghị Đại hội ủy quyền cho HĐQT thông qua việc ký kết các hợp đồng liên quan theo điều 167 luật doanh nghiệp;</p> <p>9. Đồng ý lấy ngày 14/4/2021 là ngày ĐHCĐ thường niên năm 2021.</p> <p>10. Thông qua tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022.</p> <p>11. Thông qua Tờ trình thông qua sửa</p>	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<i>đổi điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS;</i> <i>12. Đồng ý cho Ông Văn Trọng Tuấn - Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI chấm dứt hợp đồng lao động. Kể từ ngày 02/4/2021.</i>	
6	06/NQ-HĐQT	31/3/2021	Nghị quyết HĐQT về việc: <i>1. Tạm thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2021, khi có báo cáo quyết toán quý thì HĐQT sẽ kiểm điểm chính thức;</i> <i>2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2021</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua
7	08/NQ-HĐQT	27/4/2021	Nghị quyết HĐQT về việc: <i>1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2021;</i> <i>2. Thông qua tờ trình ban hành Quy chế tiêu thụ xi măng, Clinker Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI;</i> <i>3. Đồng ý bổ nhiệm lại ông Hoàng Trung Kiên giữ chức vụ Quản đốc phân xưởng sản xuất Clinker - Cổ phần xi măng Quán Triều VVMI, thời gian từ ngày 01/5/2021. Giao cho Giám đốc công ty làm thủ tục liên quan theo quy định và làm quyết định bổ nhiệm;</i> <i>4. Đồng ý bổ nhiệm lại ông Đào Trung Dũng giữ chức vụ Trưởng phòng cơ điện an toàn - Cổ phần xi măng Quán Triều VVMI, thời gian từ ngày 01/5/2021. Giao cho Giám đốc công ty</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<i>làm thủ tục liên quan theo quy định và làm quyết định bổ nhiệm;</i>	
8	09/NQ-HĐQT	8/6/2021	Nghị quyết HĐQT về việc: 1. Thông qua tờ trình số 486/TTr-XMQT ngày 26/5/2021 về việc quy hoạch cán bộ kế cận giai đoạn 2020-2025 của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.; 2. Đồng ý nâng lương cho ông Tạ Văn Long – Trưởng ban kiểm soát Công ty theo tờ trình số 527/TTr-XMQT ngày 4/6/2021 kể từ ngày 01/6/2021; 3. Thông qua tờ trình số 531/TTr-XMQT ngày 7/6/2021 về việc xây dựng Quy chế quản lý lao động, tiền lương Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.	HĐQT 100% nhất trí thông qua
9	10/NQ-HĐQT	8/6/2021	Nghị quyết HĐQT về việc: <i>Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp đơn hàng Cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua
10	11/NQ-HĐQT	25/6/2021	Nghị quyết HĐQT về việc: 1- <i>Phê duyệt tổng hạn mức vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 – 2021;</i> 2 – <i>Thông qua phương án trình Tổng công ty công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP bảo lãnh cho Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI vay vốn tại các ngân hàng;</i> 3- <i>Hội đồng quản trị nhất trí uỷ quyền</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<i>cho Ông Trần Việt Cường – Chức vụ Giám đốc công ty là đại diện pháp lý cho Công ty thỏa thuận, ký kết và quyết định tất cả các nội dung trong Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng tín dụng và giấy tờ khi giao dịch với Ngân hàng và các cơ quan có thẩm quyền liên quan trong quyền hạn của HĐQT Công ty</i> <i>4- Hội đồng quản trị Công ty cam kết chịu trách nhiệm chỉ đạo Bộ máy điều hành Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả, cân đối được nguồn thu để trả nợ kịp thời và đúng thời hạn đối với các khoản vay này</i>	
11	12/NQ-HĐQT	25/6/2021	Nghị quyết HĐQT về việc: <i>1- Thông qua Quy chế quản lý đất đai trong Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI.</i> <i>2- Thông qua việc mua sắm vỏ bao 3 lớp KPK phục vụ sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2021, giao giám đốc tổ chức thực hiện theo đúng quy định;</i> <i>3- Thông qua kế hoạch sản xuất, tiêu thụ quý III/2021.</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua
12				
13	13/NQ-HĐQT	10/8/2021	Nghị quyết HĐQT về việc: <i>1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý II/2021 và 6 tháng đầu năm 2021.</i> <i>2. Giao cho Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI xem xét, nghiên cứu kỹ các quy định của luật</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p><i>Đất đai và Quy chế của Công ty, làm việc với cơ quan ban ngành, chính quyền địa phương để giải quyết việc trả đất cho Nhà văn hóa xóm Chàm Hồng tuân thủ đúng các quy định về luật đất đai.</i></p> <p><i>3. Thông qua tờ trình số 432/TTr-XMQT ngày 5/5/2021 về việc quyết toán đầu tư dự án lắp đặt hệ thống lọc bụi khu vực đóng bao xi măng - Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI</i></p> <p><i>4. Tăng cường công tác phòng chống dịch covid 19 đảm bảo an toàn cho sản xuất kinh doanh trong 6 tháng cuối năm 2021.</i></p>	
14	14/NQ-HĐQT	29/9/2021	<p>Nghị quyết HĐQT về việc:</p> <p><i>1- Phê Duyệt hạn mức vay vốn lưu động năm 2021-2022 tại các tổ chức tín dụng như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"><i>+ MB Thái Nguyên: 50 tỷ đồng.</i><i>+ BIDV Thái Nguyên: 40 tỷ đồng.</i><i>+ VPB Thái Nguyên: 20 tỷ đồng.</i> <p><i>2- Thông qua phương án trình Tổng công ty CN Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP bảo lãnh cho Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI vay vốn tại các ngân hàng như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"><i>- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thái Nguyên (VPB Thái Nguyên), cụ thể như sau:</i> <ul style="list-style-type: none"><i>+ Giá trị bảo lãnh là:</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>20.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng chẵn).</p> <p>+ Thời gian thực hiện: Từ khi phát sinh Bảo lãnh đến hết ngày 31/10/2022.</p> <p>- Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thái Nguyên (MB Thái Nguyên), cụ thể như sau:</p> <p>+ Giá trị bảo lãnh là: 50.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn).</p> <p>+ Thời gian thực hiện: Từ khi phát sinh Bảo lãnh đến hết ngày 31/10/2022.</p> <p>+ Đồng ý thế chấp hàng tồn kho luân chuyển làm tài sản bảo đảm cho việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thái Nguyên.</p> <p>3- Hội đồng quản trị nhất trí uỷ quyền cho Ông Trần Việt Cường – Chức vụ Giám đốc Công ty là đại diện pháp lý cho Công ty thỏa thuận, ký kết và quyết định tất cả các nội dung trong Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng tín dụng và giấy tờ khi giao dịch với Ngân hàng và các cơ quan có thẩm quyền liên quan trong quyền hạn của HĐQT Công ty.</p> <p>4- Hội đồng quản trị Công ty cam kết chịu trách nhiệm chỉ đạo Bộ máy điều hành Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả, cân đối được nguồn thu để</p>	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<i>trả nợ kịp thời và đúng thời hạn đối với các khoản vay này.</i>	
15	15/NQ-HĐQT	30/9/2021	Nghị quyết HĐQT về việc: <i>Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV năm 2021.</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua
16	16/NQ-HĐQT	21/10/2021	Nghị quyết HĐQT về việc: <i>1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý III/2021 và 9 tháng năm 2021; 2. Tăng cường công tác bán hàng, thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ khó đòi trong quý 4/2021 và cả năm 2021;</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua
17	17/NQ-HĐQT	25/11/2021	Nghị quyết HĐQT về việc: <i>1- Đồng ý miễn nhiệm Ông Ngô Ngọc Sơn – Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty thôi tham gia thành viên Hội đồng quản trị, thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI kể từ ngày 25/11/2021. 2. Đồng ý bầu Ông Nguyễn Văn Dũng – Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty giữ chức danh Thành viên Hội đồng quản trị - ứng cử Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI kể từ ngày 25/11/2021.</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua
18	18/NQ-HĐQT	08/12/2021	Nghị quyết HĐQT về việc: <i>1. Đồng ý tạm giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 theo tờ trình số 1185/TTr-XMQT ngày 29/11/2021;</i>	HĐQT 100% nhất trí thông qua

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<p>2. Đồng ý tạm giao đơn giá tiền lương năm 2022 của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI là 67,52 đồng/1000 đồng doanh thu (Sáu mươi bảy phần năm mươi hai đồng).</p> <p>3. Thông qua Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở tại Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI theo tờ trình số 1199/TTr-XMQT ngày 30/11/2021.</p>	
19	19/NQ-HĐQT	31/12/2021	<p>Nghị quyết HĐQT về việc:</p> <p>1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2022;</p> <p>2. Trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi lũy kế đến 31/12/2021 với số tiền là: 9.843.764.121 đồng.;</p> <p>3. Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lũy kế đến 31/12/2021 với số tiền là: 484.995.184 đồng. (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm tám bốn đồng./.)</p>	HĐQT 100% nhất trí thông qua

*** Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Với chủ trương không ngừng mở rộng thị trường, tập trung đội ngũ cán bộ phát huy thế mạnh điều kiện sẵn có để nâng cao chất lượng mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Bảo toàn và phát triển vốn, cơ cấu nguồn vốn hợp lý, duy trì tình hình tài chính lành mạnh, sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tối ưu hóa nguồn thu cho Công ty.

b. Ban kiểm soát:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu ra. Ban kiểm soát chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hoạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo tài chính Công ty.

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Tạ Văn Long	Trưởng ban	Chuyên trách
2	Bà Phạm Thị Thúy Nga	Ủy viên	
3	Ông Phạm Đình Tuấn	Ủy viên	Đến ngày 14/04/2021
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Ủy viên	Kể từ ngày 14/04/2021

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát (BKS) có Trưởng ban hoạt động chuyên trách, còn các kiểm soát viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Họp định kỳ mỗi quý 01 lần. Lịch họp cụ thể do trưởng BKS triệu tập các thành viên, nội dung họp của BKS nhằm kiểm tra tính pháp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán thống kê và báo cáo tài chính của Công ty. Sau mỗi lần triệu tập làm việc BKS tiến hành họp kiểm điểm hoạt động nhiệm vụ kỳ trước và có kế hoạch nhiệm kỳ tiếp theo.

Ngoài chương trình làm việc định kỳ trên, trưởng BKS có thể triệu tập họp đột xuất để giải quyết công việc cần thiết theo yêu cầu của các cổ đông hoặc theo đơn thư khiếu nại của CBCNV Công ty.

Trước khi tiến hành kiểm tra, Ban kiểm soát có văn bản thông báo HĐQT về nội dung và thời gian tiến hành kiểm tra. Hoạt động của BKS không làm ảnh hưởng đến việc điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán, thảo luận về những vấn đề khó khăn tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Công ty cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Tel: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Website: <http://ximangquantrieu.com>

độc lập tư vấn.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm, ngoài việc kiểm tra, kiểm soát thường xuyên của Trưởng ban kiểm soát, Ban kiểm soát đã triệu tập 4 cuộc họp để đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kiểm tra theo từng chuyên đề trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty:

Biên bản cuộc họp của Ban kiểm soát; các văn bản của Ban kiểm soát gửi đến HĐQT, Ban giám đốc, Các Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính và tờ trình đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán.

VI. Báo cáo tài chính:

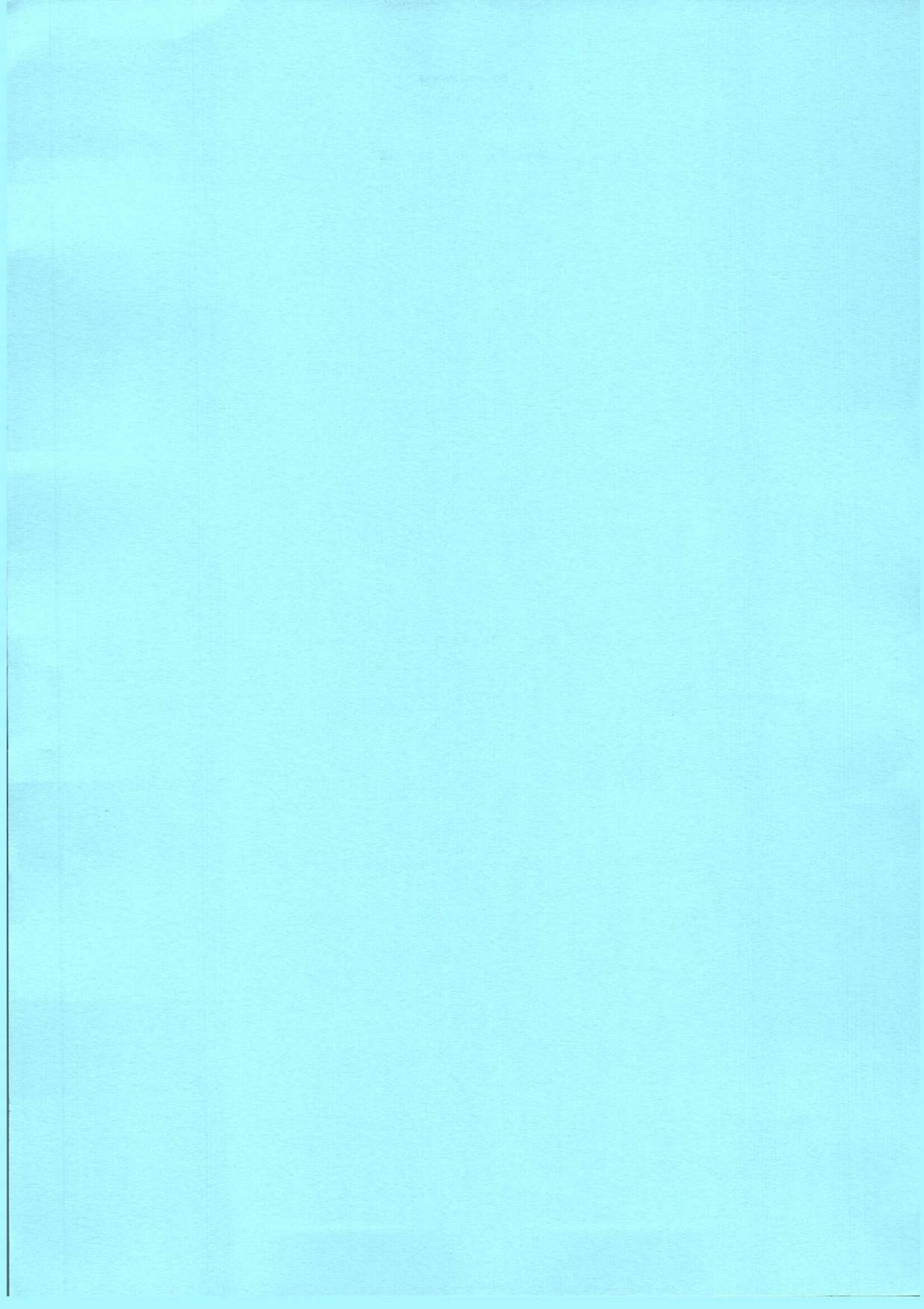
Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đã kiểm toán (đính kèm).

XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TRẦN VIỆT CƯỜNG



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMII

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 42



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1703000299 ngày 31/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Trong quá trình hoạt động, các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 1703000299 ngày 31/05/2007, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 4600409377 ngày 14/06/2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4600409377 thay đổi lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/06/2017 và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	21.228.014	84,91%
Các đối tượng khác	3.771.986	15,09%
Tổng cộng	25.000.000	100%

2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	Đến hết ngày 25/11/2021 (*)
- Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	Kể từ ngày 25/11/2021 (*)
- Ông Trần Việt Cường	Ủy viên	
- Ông Hà Văn Chuyển	Ủy viên	
- Ông Đỗ Ngọc Huy	Ủy viên	
- Bà Đỗ Thu Hương	Ủy viên	

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 17/NQ-HĐQT ngày 25/11/2021.

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Trần Việt Cường	Giám đốc	
- Ông Văn Trọng Tuấn	Phó Giám đốc	Đến hết ngày 01/04/2021 (**)
- Ông Nguyễn Sóng Gió	Phó Giám đốc	
- Ông Đỗ Ngọc Huy	Phó Giám đốc	

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/NQ-HĐQT ngày 23/03/2021.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>		
- Ông Tạ Văn Long	Trưởng ban		
- Bà Phạm Thị Thúy Nga	Ủy viên		
- Ông Phạm Đình Tuấn	Ủy viên	Đến hết ngày 14/04/2021	(***)
- Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Ủy viên	Kể từ ngày 14/04/2021	(***)

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 07/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/04/2021.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, 28 ngày 02 năm 2022

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC



Số: 08 /2022/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI được lập ngày 28 tháng 02 năm 2022 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 42 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0576-2018-242-1

Nguyễn Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0740-2018-242-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66.539.493.410	69.112.370.950
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.468.868.010	6.334.668.634
Tiền	111	5.1	7.468.868.010	6.334.668.634
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.313.573.944	33.367.152.346
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	47.720.349.822	38.829.824.454
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		803.467.240	2.935.889.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.633.521.003	1.660.073.573
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.4	(9.843.764.121)	(10.058.634.681)
Hàng tồn kho	140	5.5	17.354.806.648	27.924.290.480
Hàng tồn kho	141		17.839.801.832	28.568.510.928
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(484.995.184)	(644.220.448)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.402.244.808	1.486.259.490
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	1.188.571.088	1.486.259.490
Thuế GTGT được khấu trừ	152		189.529.600	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	24.144.120	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		637.221.054.881	711.047.018.989
Tài sản cố định	220		619.348.388.233	692.539.983.600
TSCĐ hữu hình	221	5.7	603.608.978.295	675.729.166.608
- Nguyên giá	222		1.417.233.957.335	1.414.114.059.001
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(813.624.979.040)	(738.384.892.393)
TSCĐ vô hình	227	5.8	15.739.409.938	16.810.816.992
- Nguyên giá	228		27.115.865.482	27.115.865.482
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(11.376.455.544)	(10.305.048.490)
Tài sản dở dang dài hạn	240		80.000.000	57.745.454
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	80.000.000	57.745.454
Tài sản dài hạn khác	260		17.792.666.648	18.449.289.935
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	17.792.666.648	18.449.289.935
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		703.760.548.291	780.159.389.939

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
NỢ PHẢI TRẢ	300		479.025.844.304	600.147.543.991
Nợ ngắn hạn	310		372.728.768.738	390.754.880.450
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	176.864.895.981	183.365.015.421
Người mua trả tiền trước	312		11.555.439.415	7.298.173.465
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	19.915.585.390	21.945.402.088
Phải trả người lao động	314		12.787.007.554	8.897.707.961
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.077.280.845	855.213.798
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	293.050.420	221.550.834
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	150.235.509.133	168.171.816.883
Nợ dài hạn	330		106.297.075.566	209.392.663.541
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	106.297.075.566	209.392.663.541
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		224.734.703.987	180.011.845.948
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	224.734.703.987	180.011.845.948
Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(25.265.296.013)	(69.988.154.052)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(69.988.154.052)	(105.573.627.871)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		44.722.858.039	35.585.473.819
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		703.760.548.291	780.159.389.939

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH HẢI



NGUYỄN ANH TUẤN



TRẦN VIỆT CƯỜNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	660.550.264.938	665.131.731.964
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		660.550.264.938	665.131.731.964
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	548.658.921.529	554.020.921.268
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.891.343.409	111.110.810.696
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.300.092	10.145.200
Chi phí tài chính	22	6.4	31.944.097.837	44.311.498.450
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.560.247.050	37.776.735.232
Chi phí bán hàng	24	6.7	9.682.067.372	10.173.519.243
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	23.256.478.251	19.656.619.835
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47.016.000.041	36.979.318.368
Thu nhập khác	31	6.5	80.000.000	10.190.819
Chi phí khác	32	6.6	6.462.000	316.815.863
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		73.538.000	(306.625.044)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.089.538.041	36.672.693.324
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	2.366.680.002	1.087.219.505
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		44.722.858.039	35.585.473.819
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.789	1.423
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MINH HẢI



NGUYỄN ANH TUẤN



TRẦN VIỆT CƯỜNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		47.089.538.041	36.672.693.324
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		76.311.493.701	79.927.124.585
Các khoản dự phòng	03		(374.095.824)	(1.498.157.323)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.300.092)	(10.145.200)
Chi phí lãi vay	06		26.560.247.050	37.776.735.232
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	08		149.579.882.876	152.868.250.618
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(6.945.224.758)	(793.317.281)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		10.728.709.096	(10.112.224.331)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		706.119.451	(4.929.673.138)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		954.311.689	6.176.042.843
Tiền lãi vay đã trả	14		(25.913.149.552)	(37.441.559.068)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.861.955.459)	(575.348.582)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		125.248.693.343	105.192.171.061
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(3.089.898.334)	(854.206.151)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.300.092	10.145.200
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.082.598.242)	(844.060.951)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	271.380.065.467	194.031.526.610
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(392.411.961.192)	(299.935.662.965)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(121.031.895.725)	(105.904.136.355)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		1.134.199.376	(1.556.026.245)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.334.668.634	7.890.694.879
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		7.468.868.010	6.334.668.634

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





NGUYỄN MINH HẢI

NGUYỄN ANH TUẤN

TRẦN VIỆT CƯỜNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI là một doanh nghiệp hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1703000299 ngày 31/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Trong quá trình hoạt động, các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện theo pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 1703000299 ngày 31/05/2007, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 4600409377 ngày 14/06/2017.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (xi măng, gạch xây, ngói, đá, sỏi và vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng và máy khác chưa phân vào đâu);
- Khai thác đá, cát sỏi, đất sét;
- Xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Xây dựng công trình đường bộ);
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát sỏi, đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa đường sắt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số cán bộ công nhân viên Công ty là 349 người, trong đó số nhân viên quản lý là 27 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| - Giá trị nguyên vật liệu | Phương pháp bình quân gia quyền |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác | Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được Công ty xác định bằng sản lượng dở dang (bán thành phẩm: xi măng bột, clinker) nhân với (x) đơn giá thực tế trong năm. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh

344
ÔN
NH
PI
IẾT
XU

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 10/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 10 - 25 năm
- Máy móc thiết bị 20 năm
- Phương tiện vận tải 07 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng 05 - 07 năm

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Quyền sử dụng đất 25 năm

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa thường xuyên và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí lãi vay và các khoản chi phí phải trả khác. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.11 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4600409377 thay đổi lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày ngày 14/06/2017 và cho đến ngày kết thúc năm tài chính này, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP	212.280.140.000	212.280.140.000	100%
Các cổ đông khác	37.719.860.000	37.719.860.000	100%
Cộng	250.000.000.000	250.000.000.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.15 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT: 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Công ty áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm từ năm 2014 - 2028, do dự án thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty được miễn thuế trong 4 năm tính từ năm 2014 và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo áp dụng theo khoản 1, điều 20, thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ đi số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

3440
ÔNG
NHIỆM
PK
ỆT I
QUẢN

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	404.387.092	252.324.381
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	7.064.480.918	6.082.344.253
Cộng	<u>7.468.868.010</u>	<u>6.334.668.634</u>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		404.387.092
Cộng		<u>404.387.092</u>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam		7.064.480.918
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ</i>		17.053.049
<i>Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		1.114.006.703
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		2.229.591.323
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		1.111.739.748
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn, Thái Nguyên</i>		18.745.929
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</i>		2.347.190.290
<i>Ngân hàng VPBank - Chi nhánh thái nguyên</i>		226.153.876
Cộng		<u>7.064.480.918</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.2. Phải thu khách hàng

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	47.720.349.822	38.829.824.454
Ủy ban nhân dân Huyện Đại Từ	30.698.422.430	21.624.551.550
UBND Huyện Phú Lương	8.386.069.500	8.281.250.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	8.635.857.892	8.924.022.904
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	47.720.349.822	38.829.824.454

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan : Xem Phụ lục 03 đính kèm

5.3. Phải thu khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.633.521.003	(1.420.194.775)	1.660.073.573	(1.449.194.775)
Tạm ứng	-	-	22.544.000	-
Ông Dương Văn Hường	800.388.864	(800.388.864)	800.388.864	(800.388.864)
Ông Đỗ Viết Thọ	593.805.911	(593.805.911)	598.805.911	(598.805.911)
Ông Nguyễn Trung Hiếu	26.000.000	(26.000.000)	50.000.000	(50.000.000)
Phải thu khác	213.326.228	-	188.334.798	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.633.521.003	(1.420.194.775)	1.660.073.573	(1.449.194.775)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.4. Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;	9.843.764.121	-	10.166.595.181	107.960.500
- Từ 3 năm trở lên	9.843.764.121	-	9.834.619.181	-
+ Công ty CP Xây dựng Ngọc Mai	1.452.868.400	-	1.452.868.400	-
+ Công ty CP tư vấn xây dựng Kiến Trúc Việt	1.877.520.010	-	1.877.520.010	-
+ Công ty CP ĐTXD và Thương Mại Nguyên Hồng	895.735.000	-	895.735.000	-
+ Công ty TNHH thương mại và vận tải Hợp Thành	769.562.749	-	769.562.749	-
+ Công ty CP thương mại công nghệ Đức Hùng	512.450.000	-	512.450.000	-
+ Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng 19-8	439.056.000	-	439.056.000	-
+ Ông Dương Văn Hùng	800.388.864	-	800.388.864	-
+ Ông Đỗ Viết Thọ	593.805.911	-	598.805.911	-
+ Đối tượng khác	2.502.377.187	-	2.488.232.247	-
- Từ 2 đến dưới 3 năm	-	-	290.137.500	87.041.250
+ Công ty TNHH vật liệu Phú Sỹ	-	-	290.137.500	87.041.250
- Từ 1 đến dưới 2 năm	-	-	41.838.500	20.919.250
+ Cửa hàng VLXD Hải Vân	-	-	41.838.500	20.919.250

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.457.390.099	(484.995.184)	13.077.174.613	(644.220.448)
Công cụ, dụng cụ	92.783.664	-	56.023.243	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.289.628.069	-	15.435.313.072	-
Cộng	17.839.801.832	(484.995.184)	28.568.510.928	(644.220.448)

Trong đó:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 818.573.316 đồng.

- Nguyên nhân và hướng xử lý: Đây là các vật tư phục vụ sửa chữa, thi công các hạng mục của dây chuyền tồn đọng; Hướng xử lý: tiếp tục tận dụng (nếu được) và thanh lý theo trình tự quản lý vật tư của Công ty.

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Mua sắm	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản	80.000.000	57.745.454
<i>Dự án: Đầu tư lọc bụi đóng bao (2 cái 6000m³/h)</i>	-	57.745.454
<i>Dự án: Đầu tư hệ thống lọc bụi khu vực xả Clinker</i>	80.000.000	-
- Sửa chữa	-	-
Cộng	80.000.000	57.745.454

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI
 Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	402.249.438.784	1.002.702.597.253	3.233.768.310	5.928.254.654	1.414.114.059.001
- Mua trong năm	-	804.261.970	2.285.636.364	-	3.089.898.334
- Đầu tư XD/CB trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	30.000.000	-	30.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	402.249.438.784	1.003.506.859.223	5.549.404.674	5.928.254.654	1.417.233.957.335
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	189.307.971.408	545.221.522.504	2.002.083.645	1.853.314.836	738.384.892.393
- Khấu hao trong năm	18.970.718.686	55.372.857.326	306.291.178	590.219.457	75.240.086.647
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	208.278.690.094	600.594.379.830	2.308.374.823	2.443.534.293	813.624.979.040
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	212.941.467.376	457.481.074.749	1.231.684.665	4.074.939.818	675.729.166.608
Tại ngày cuối năm	193.970.748.690	402.912.479.393	3.241.029.851	3.484.720.361	603.608.978.295
- Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố					594.068.215.630
- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng					117.172.532.100
- Nguyên giá TSCĐ chờ thanh lý					-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	27.115.865.482	-	27.115.865.482
Số dư cuối năm	27.115.865.482	-	27.115.865.482
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm	10.305.048.490	-	10.305.048.490
- Khấu hao trong năm	1.071.407.054	-	1.071.407.054
Số dư cuối năm	11.376.455.544	-	11.376.455.544
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	16.810.816.992	-	16.810.816.992
Tại ngày cuối năm	15.739.409.938	-	15.739.409.938

5.9. Chi phí trả trước

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a. Ngắn hạn	1.188.571.088	1.486.259.490
Chi phí sửa chữa	100.863.565	41.483.976
Công cụ, dụng cụ	920.391.531	1.281.502.016
Các khoản khác	167.315.992	163.273.498
b. Dài hạn	17.792.666.648	18.449.289.935
Chi phí sửa chữa	5.089.132.203	10.818.822.402
Công cụ, dụng cụ	12.703.534.445	7.630.467.533
Cộng	18.981.237.736	19.935.549.425

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI
Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.10. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2021 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2021 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Gốc vay ngắn hạn	71.114.866.493	71.114.866.493	253.102.509.760	264.839.619.015	59.377.757.238	59.377.757.238
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thái Nguyên</i>	<i>31.787.560.592</i>	<i>31.787.560.592</i>	<i>83.733.607.580</i>	<i>101.935.693.514</i>	<i>13.585.474.658</i>	<i>13.585.474.658</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên</i>	<i>39.327.305.901</i>	<i>39.327.305.901</i>	<i>134.774.763.889</i>	<i>136.720.553.116</i>	<i>37.381.516.674</i>	<i>37.381.516.674</i>
<i>Ngân hàng VPBank Thái Nguyên</i>	-	-	<i>34.594.138.291</i>	<i>26.183.372.385</i>	<i>8.410.765.906</i>	<i>8.410.765.906</i>
b. Gốc vay dài hạn	306.449.613.931	306.449.613.931	18.277.555.707	127.572.342.177	197.154.827.461	197.154.827.461
Từ 1 đến 5 năm	306.449.613.931	306.449.613.931	18.277.555.707	127.572.342.177	197.154.827.461	197.154.827.461
<i>Ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên</i>	<i>172.029.729.070</i>	<i>172.029.729.070</i>	-	<i>68.782.729.070</i>	<i>103.247.000.000</i>	<i>103.247.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tây Hồ</i>	<i>102.000.000.000</i>	<i>102.000.000.000</i>	-	<i>45.000.000.000</i>	<i>57.000.000.000</i>	<i>57.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thái Nguyên</i>	<i>23.675.553.328</i>	<i>23.675.553.328</i>	<i>1.817.600.000</i>	<i>9.470.221.320</i>	<i>16.022.932.008</i>	<i>16.022.932.008</i>
<i>Vay dài hạn CBCNV</i>	<i>8.744.331.533</i>	<i>8.744.331.533</i>	<i>16.459.955.707</i>	<i>4.319.391.787</i>	<i>20.884.895.453</i>	<i>20.884.895.453</i>
Cộng	377.564.480.424	377.564.480.424	271.380.065.467	392.411.961.192	256.532.584.699	256.532.584.699

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI
Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	01/01/2021 (VND)		31/12/2021 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC	97.056.950.390	97.056.950.390	90.857.751.895	90.857.751.895
<i>Ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên</i>	<i>51.586.729.070</i>	<i>51.586.729.070</i>	<i>51.588.000000</i>	<i>51.588.000000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Tây Hồ</i>	<i>36.000.000.000</i>	<i>36.000.000.000</i>	<i>27.000.000.000</i>	<i>27.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thái Nguyên</i>	<i>9.470.221.320</i>	<i>9.470.221.320</i>	<i>9.870.221.320</i>	<i>9.870.221.320</i>
<i>Vay dài hạn CBCNV</i>	-	-	<i>2.399.530.575</i>	<i>2.399.530.575</i>
d. Số dư tại thời điểm lập BCTC	377.564.480.424	377.564.480.424	256.532.584.699	256.532.584.699
d.1 Vay và nợ ngắn hạn	168.171.816.883	168.171.816.883	150.235.509.133	150.235.509.133
d.2 Vay và nợ dài hạn	209.392.663.541	209.392.663.541	106.297.075.566	106.297.075.566

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.11. Phải trả người bán

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	176.864.895.981	176.864.895.981	183.365.015.421	183.365.015.421
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	55.040.125.741	55.040.125.741	60.381.966.575	60.381.966.575
Công ty Than Núi Hồng - VVMI	68.265.680.802	68.265.680.802	70.937.270.486	70.937.270.486
Công ty Than Khánh Hòa - VVMI	28.702.527.794	28.702.527.794	28.420.300.390	28.420.300.390
Các nhà cung cấp khác	24.856.561.644	24.856.561.644	23.625.477.970	23.625.477.970
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	176.864.895.981	176.864.895.981	183.365.015.421	183.365.015.421
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	41.319.237.061	41.319.237.061
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	-	-	40.381.966.575	40.381.966.575
Công ty than Núi Hồng - VVMI	-	-	937.270.486	937.270.486
Công ty Than Khánh Hòa - VVMI	-	-	-	-
d. Phải trả người bán là các bên liên quan : Xem Phụ lục 03 đính kèm				



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI
Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.12. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2021 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	20.351.384.890	22.709.555.479	23.220.057.990	19.840.882.379
Thuế thu nhập cá nhân	13.523.089	113.713.002	119.213.082	8.023.009
Thuế tài nguyên	18.538.650	35.261.010	53.799.660	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.561.955.459	2.366.680.002	3.861.955.459	66.680.002
Thuế đất và tiền thuê đất	-	10.454.553	10.454.553	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	34.072.750	34.072.750	-
Cộng	21.945.402.088	25.269.736.796	27.299.553.494	19.915.585.390
b. Phải thu				
Thuế tài nguyên	-	-	24.144.120	24.144.120
Cộng	-	-	24.144.120	24.144.120

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI**

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.13. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2021</u> (VND)	<u>01/01/2021</u> (VND)
a. Ngắn hạn	1.077.280.845	855.213.798
Lãi vay	962.282.845	729.479.498
Các khoản trích trước khác	114.998.000	125.734.300
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>1.077.280.845</u>	<u>855.213.798</u>

5.14. Phải trả khác

	<u>31/12/2021</u> (VND)	<u>01/01/2021</u> (VND)
a. Ngắn hạn	293.050.420	221.550.834
Kinh phí công đoàn	101.916.106	102.268.420
Đoàn phí công đoàn	33.506.559	5.567.625
Các khoản phải trả, phải nộp khác	157.627.755	113.714.789
b. Dài hạn	-	-
Cộng	<u>293.050.420</u>	<u>221.550.834</u>

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI**

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.15. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	250.000.000.000	(105.573.627.871)	144.426.372.129
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	35.585.473.819	35.585.473.819
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	250.000.000.000	(69.988.154.052)	180.011.845.948
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	44.722.858.039	44.722.858.039
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm nay	250.000.000.000	(25.265.296.013)	224.734.703.987

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021
	(VND)	(VND)
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	212.280.140.000	212.280.140.000
Vốn góp của đối tượng khác	37.719.860.000	37.719.860.000
Cộng	250.000.000.000	250.000.000.000

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	250.000.000.000	250.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	250.000.000.000	250.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/cổ phiếu	

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	660.550.264.938	665.131.731.964
Doanh thu bán hàng	656.965.798.748	661.978.411.225
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.584.466.190	3.153.320.739

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	545.394.257.228	550.850.692.818
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.423.889.565	2.984.809.479
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(159.225.264)	185.418.971
Cộng	548.658.921.529	554.020.921.268

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lãi tiền gửi	7.300.092	10.145.200
Cộng	7.300.092	10.145.200

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chi phí lãi vay	26.560.247.050	37.776.735.232
Chiết khấu thanh toán, lãi trả chậm	5.383.850.787	6.534.763.218
Cộng	31.944.097.837	44.311.498.450

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Các khoản khác	80.000.000	10.190.819
Cộng	80.000.000	10.190.819

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.6 Chi phí khác

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Các khoản bị phạt	-	38.186.363
Giá trị bị loại khỏi QT TSCĐ	-	278.629.500
Các khoản khác	6.462.000	-
Cộng	6.462.000	316.815.863

6.7 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.471.348.811	21.340.196.129
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, động lực	1.940.754.805	1.666.842.055
Chi phí dụng cụ	266.065.505	166.267.472
Chi phí nhân công	12.243.004.058	10.862.397.071
Chi phí khấu hao TSCĐ	541.478.269	482.358.242
Thuế và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.032.399.135	2.304.352.414
Chi phí khác bằng tiền	6.444.647.039	5.854.978.875
b. Chi phí bán hàng	9.682.067.372	10.173.519.243
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	592.105.924	669.957.292
Chi phí nhân công	5.845.679.198	5.378.700.691
Chi phí khấu hao TSCĐ	363.544.730	301.383.271
Chi phí dịch vụ mua ngoài	322.000.000	1.948.865.181
Chi phí khác bằng tiền	2.558.737.520	1.874.612.808
c. Các khoản ghi giảm Chi phí quản lý doanh nghiệp	(214.870.560)	(1.683.576.294)
Hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu	(214.870.560)	(1.683.576.294)

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	406.404.021.408	428.386.298.823
Chi phí nhân công	50.636.143.538	45.013.801.342
Chi phí khấu hao TSCĐ	76.311.493.701	79.927.124.585
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.870.691.984	10.577.707.309
Chi phí khác bằng tiền	34.437.072.658	27.781.220.384
Cộng	575.659.423.289	591.686.152.443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.089.538.041	36.672.693.324
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	244.062.000	566.415.863
<i>Chi phí không hợp lý</i>	<i>244.062.000</i>	<i>566.415.863</i>
- Tổng thu nhập chịu thuế	47.333.600.041	37.239.109.187
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	47.333.600.041	37.239.109.187
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.733.360.004	3.723.910.919
- Thuế TNDN được miễn giảm (thuế suất ưu đãi miễn giảm 50%) <i>(Thuế TNDN được giảm theo TT96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015)</i>	(2.366.680.002)	(1.861.955.459)
- Thuế TNDN được giảm theo NĐ 68	-	(774.735.955)
- Thuế TNDN phải nộp	2.366.680.002	1.087.219.505
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.366.680.002	1.087.219.505

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	44.722.858.039	35.585.473.819
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	44.722.858.039	35.585.473.819
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.789	1.423

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 271.380.065.467 VND

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường 392.411.961.192 VND

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI**

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 31/12/2021			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.468.868.010	-	7.468.868.010
Phải thu khách hàng	47.720.349.822	-	47.720.349.822
Phải thu khác	1.633.521.003	-	1.633.521.003
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(9.843.764.121)	-	(9.843.764.121)
Tổng cộng	46.978.974.714	-	46.978.974.714
Ngày 31/12/2021			
Các khoản vay và nợ	150.235.509.133	106.297.075.566	256.532.584.699
Phải trả người bán	176.864.895.981	-	176.864.895.981
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	1.370.331.265	-	1.370.331.265
Tổng cộng	328.470.736.379	106.297.075.566	434.767.811.945
Chênh lệch thanh khoản thuần	(281.491.761.665)	(106.297.075.566)	(387.788.837.231)
Ngày 01/01/2021			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.334.668.634	-	6.334.668.634
Phải thu khách hàng	38.829.824.454	-	38.829.824.454
Phải thu khác	1.637.529.573	-	1.637.529.573
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(10.058.634.681)	-	(10.058.634.681)
Tổng cộng	36.743.387.980	-	36.743.387.980
Ngày 01/01/2021			
Các khoản vay và nợ	168.171.816.883	209.392.663.541	377.564.480.424
Phải trả người bán	183.365.015.421	-	183.365.015.421
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	1.076.764.632	-	1.076.764.632
Tổng cộng	352.613.596.936	209.392.663.541	562.006.260.477
Chênh lệch thanh khoản thuần	(315.870.208.956)	(209.392.663.541)	(525.262.872.497)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý:

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUẢN TRIỀU VVMI
Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	49.353.870.825	40.467.354.027	39.510.106.704	30.408.719.346
<i>Phải thu khách hàng</i>	47.720.349.822	38.829.824.454	39.296.780.476	30.220.384.548
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.633.521.003	1.637.529.573	213.326.228	188.334.798
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.468.868.010	6.334.668.634	7.468.868.010	6.334.668.634
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	7.468.868.010	6.334.668.634	7.468.868.010	6.334.668.634
Tổng cộng	56.822.738.835	46.802.022.661	46.978.974.714	36.743.387.980
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	256.532.584.699	377.564.480.424	256.532.584.699	377.564.480.424
<i>Phải trả người bán</i>	176.864.895.981	183.365.015.421	176.864.895.981	183.365.015.421
<i>Phải trả khác</i>	1.370.331.265	1.076.764.632	1.370.331.265	1.076.764.632
Tổng cộng	434.767.811.945	562.006.260.477	434.767.811.945	562.006.260.477

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 01 tháng 01 năm 2021. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

8.2 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán xi măng, clinker, hoạt động kinh doanh dịch vụ chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% về doanh thu và dưới 10% về tài sản để thực hiện các hoạt động khác này), do đó công ty không trình bày báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.3 Giao dịch với các bên liên quan

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ lục 01: Bảng kê hàng hoá, dịch vụ bán với bên liên quan
- Phụ lục 02: Bảng kê mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ với bên liên quan;
- Phụ lục 03: Bảng kê các khoản phải thu, phải trả với bên liên quan;

Thu nhập của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

	Năm 2021
	(VND)
Lương, thưởng của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	1.236.960.000
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	636.600.000
Tổng cộng	1.873.560.000

8.4 Những sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN MINH HẢI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN ANH TUẤN

GIÁM ĐỐC



TRẦN VIỆT CƯỜNG

BẢNG KÊ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN VỚI BÊN LIÊN QUAN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

TT	Tên đơn vị mua	Nội dung	Giá trị
A	B	C	VND
1	Công ty cổ phần Cơ Khí Mỏ Việt Bắc - VVMI		283.018.272
		<i>Xi măng PCB30+40</i>	3.163.636
		<i>Sắt thép phế liệu</i>	279.854.636
2	Công ty Than Khánh Hòa - VVMI		62.427.273
		<i>Xi măng PCB30+40</i>	62.427.273
	Tổng cộng		345.445.545

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





NGUYỄN MINH HẢI

NGUYỄN ANH TUẤN

TRẦN VIỆT CƯỜNG

BẢNG KÊ MUA VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Nội dung	Giá trị mua trong năm
1	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP		101.235.431.486
		Nhập than cám	98.642.426.800
		Lãi chậm trả	2.593.004.686
2	Công ty Than Núi Hồng - VVMI		41.945.934.491
		Nhập vỏ bao	40.909.050.000
		Vận chuyển	940.071.400
		Lãi chậm trả	69.635.818
		Chi phí hội trường, ăn nghỉ	27.177.273
3	Công ty Than Khánh Hòa - VVMI		21.752.475.911
		Nhập đá vôi thải, đá thải sau tuyển nước và đất sét thải	21.607.912.273
		Chi phí rửa xe tiêu thụ	144.563.638
4	Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên VVMI		1.293.955.855
		Chi phí lưu trú	30.125.455
		Nhập hàng	1.263.830.400
5	Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	Nhập dầu diezen	1.534.465.556
6	Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin	Chi phí Tư vấn và Lập báo cáo	285.081.620
7	Công ty cổ phần VLXD và kinh doanh tổng hợp - VVMI	Chi phí thuê kho	240.000.000
8	Công ty nhiệt điện Cao Ngạn TKV - CN Tổng CTY điện lực TKV - CTCP	Chi phí điện năng	473.814.076
9	Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin	Kinh phí đào tạo	63.300.680
10	Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI		2.927.655.429
		Nhập vật tư	1.430.992.000
		Chi phí sửa chữa	1.496.663.429
11	Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI	Nhập xi măng bột	1.990.450.909
12	Bệnh viện Than - Khoáng sản	CP khám sức khỏe định kỳ	323.692.200
13	Công ty Vật tư hóa chất mỏ Hà Nội - CN Tổng công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	Nhập bảo hộ lao động	241.566.800
14	Chi nhánh Hà Nội - Công ty cổ phần Vật tư - TKV	Nhập dầu Cominlub	76.055.100
	TỔNG CỘNG		174.383.880.113

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





NGUYỄN MINH HẢI

NGUYỄN ANH TUẤN

TRẦN VIỆT CƯỜNG

BẢNG KÊ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI BÊN LIÊN QUAN
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VNĐ

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ	
		131	331
A	B	1	
A	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN		
I	Nợ phải thu	108.120.648	-
1	Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	108.120.648	-
II	Nợ phải trả	-	152.829.507.652
1	Công ty Than Núi Hồng - VVMI	-	68.265.680.802
2	Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	-	55.040.125.741
3	Công ty Than Khánh Hòa - VVMI	-	28.702.527.794
4	Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	-	456.699.617
5	Công ty CP VLXD và kinh doanh tổng hợp - VVMI	-	66.000.000
6	Công ty nhiệt điện Cao Ngạn TKV - CN Tổng Công ty điện lực TKV - CTCP	-	43.126.530
7	Trường Quản trị kinh doanh - Vinacomin	-	10.429.500
8	Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin	-	88 000 000
9	Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ Thái Nguyên	-	156 917 668
B	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	-
I	Nợ phải thu	-	-
II	Nợ phải trả	-	-

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN MINH HẢI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN ANH TUẤN

GIÁM ĐỐC



TRẦN VIỆT CƯỜNG